

2015 | ĐỔI MỚI VÀ TĂNG TRƯỞNG



Báo cáo
thường niên
2015 Annual Report





THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa QUÝ CỔ ĐÔNG

Năm 2015, sản xuất Nông nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Đó là hiện tượng El Nino đã gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, bất thường. Thị trường nông sản biến động, giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực giảm, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp chỉ đạt 2,41% trong đó sản xuất Nông nghiệp chỉ tăng 2,28%, kim ngạch xuất khẩu Nông sản đạt 30,14 tỷ USD giảm 0,8% trong đó riêng hàng nông sản giảm tới 2,6% so với năm 2014. Sức mua của cư dân Nông nghiệp tiếp tục bị suy giảm, đời sống khó khăn.

Trong bối cảnh đó Vinaseed nổi lên như một con thuyền lội ngược dòng trở thành Công ty Giống cây trồng có quy mô hàng đầu trong ngành Giống cây trồng Việt Nam. Với chiến lược lấy khoa học công nghệ làm động lực, là nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh liên tục đổi mới để tạo sự khác biệt, đồng thời tập trung mở rộng đầu tư hiện đại hoá hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư M&A mở rộng quy mô và thị phần vì vậy uy tín và vị thế thương hiệu Vinaseed đã ngày càng được nâng cao. Năm 2015 cũng là năm đánh dấu một mốc son lịch sử trong quá trình xây dựng và phát triển. Công ty hoàn thành xuất sắc tất cả các mục tiêu mà ĐHCĐ đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng cao cả về quy mô và hiệu quả. Doanh thu hợp nhất đạt 1248 tỷ tăng 75,1% so cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 157 tỷ tăng 26,7% so với cùng kỳ. Hoàn thành các mục tiêu đầu tư làm nền tảng thực hiện chiến lược tăng trưởng của Vinaseed giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn 2025. Với tất cả đóng góp của Vinaseed cho nền nông nghiệp Việt Nam, năm 2015 công ty đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì được các tổ chức trong nước và Quốc tế đánh giá cao: TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất do Forbes bình chọn, Top 50 công ty tăng trưởng nhanh và hiệu quả nhất Việt Nam thời kỳ 2010 - 2015. Có thể nói năm 2015 là năm đặt nền tảng thành công cho chiến lược "tăng tốc" của Vinaseed trong những năm tiếp theo.

Kính thưa quý vị cổ đông :

Năm 2016 - Năm đầu tiên trong chiến lược phát triển 2016 - 2020 của Công ty với tầm nhìn xây dựng Vinaseed trở thành một tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam và tiến hành tái cấu trúc Vinaseed một cách toàn diện để tiếp tục mở rộng quy

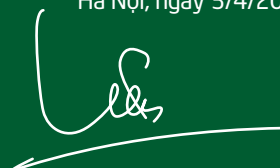
mô và tăng trưởng với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, gia tăng giá trị tích lũy cho nhà đầu tư, thực hiện ước mơ nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân Việt Nam. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu và rộng khi các hiệp định thương mại được ký kết đặc biệt Hiệp định TPP, AEC.. vì vậy thông điệp chiến lược của Vinaseed 2016 là : **ĐỔI MỚI VÀ TĂNG TRƯỞNG.**

Vinaseed sẽ nỗ lực hoàn thành tất cả các mục tiêu tài chính và cam kết thực hiện chiến lược phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội, đảm bảo chia sẻ lợi ích doanh nghiệp và xã hội, tập trung đầu tư cho khoa học và công nghệ tạo ra các dòng sản phẩm thích nghi với biến đổi khí hậu toàn cầu, thực hiện tiêu chuẩn sản xuất VietGap, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. Chúng tôi cam kết thực hiện và duy trì tốt sự gắn bó và hài lòng của khách hàng, đối tác, giữ vững niềm tin của nhà đầu tư và liên tục đổi mới chính mình, từng bước tái cấu trúc bộ máy quản lý, hoàn thiện hệ thống quản trị để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ CBCNV Vinaseed những người đã lao động với niềm đam mê và khát vọng chiến thắng, luôn thay đổi và hoàn thiện bản thân, cảm ơn các nhà đầu tư đã luôn tin tưởng và ủng hộ chúng tôi trong quá trình hoạt động, cảm ơn quý khách hàng và đối tác, sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã tạo nên một Vinaseed đầy sức sống như ngày hôm nay và chúng tôi cam kết sẽ luôn trân trọng và nỗ lực hết mình để phát triển công ty. Chúng tôi tin tưởng rằng Năm 2016 sẽ là một năm tiếp tục thành công của Vinaseed.

Xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày 3/4/2016



Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên





TỔNG QUAN CÔNG TY

<i>Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi</i>	06
<i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	08
<i>Ngành nghề kinh doanh chính</i>	10
<i>Thành tích nổi bật</i>	12
<i>Mục tiêu phát triển</i>	14



Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương - Vinaseed là doanh nghiệp khoa học công nghệ hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh giống cây trồng và chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông lâm nghiệp. Công ty không ngừng cung cấp ra thị trường những sản phẩm giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, chuyển giao các dịch vụ khoa học kỹ thuật đem lại sự hài lòng cho khách hàng trên mọi miền của đất nước và có những đóng góp thiết thực cho sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam và cho xã hội.

Trải qua chặng đường 11 năm phát triển và đổi mới, Vinaseed tự hào là đơn vị đầu tiên của Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa ngành giống, một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trong quá trình hội nhập của ngành nông nghiệp.

Hệ thống quản trị chuyên nghiệp, minh bạch theo các chuẩn mực quốc tế được nhà đầu tư đánh giá cao trên thị trường tài chính, được công nhận tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2008.

TÂM NHÌN

Vinaseed phấn đấu trở thành tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam, thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

SỨ MỆNH

Bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình với cuộc sống, con người và xã hội, Vinaseed cam kết thực hiện 3 mục tiêu: duy trì tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội và bảo vệ môi trường một cách bền vững.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Năng động

Trong điều kiện hội nhập trở thành xu thế tất yếu và khoa học kỹ thuật là động lực để thúc đẩy xã hội phát triển, chúng tôi không ngừng nỗ lực tạo sự khác biệt trong sản phẩm và dịch vụ để thích nghi với sự thay đổi của xã hội và làm cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

Chuyên nghiệp

Với khẩu hiệu "Đ dẫn đầu bằng tính chuyên nghiệp", chúng tôi luôn nỗ lực tối ưu hóa mọi hoạt động của công ty thông qua việc tập trung vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính; Tạo ra sự hoàn chỉnh về chất lượng và hiệu quả công việc; Xây dựng hệ thống quản trị tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế, minh bạch, công khai, đồng bộ và nhất quán; Quản trị đội ngũ nhân sự với tác phong làm việc công nghiệp, khoa học và kỷ cương, không ngừng nỗ lực học hỏi, có ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác.

Sáng tạo

Nhận thức rõ sáng tạo là động lực để phát triển công ty, chúng tôi luôn khuyến khích và tạo môi trường cho nhân viên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm những ý tưởng mới, độc đáo nhằm phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng công nghệ cao, gia tăng giá trị hạt giống cây trồng theo hướng tích hợp và đổi mới công nghệ.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1968



Thành lập công ty giống cây trồng cấp 1 trực thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1978



Thành lập Công ty Giống cây trồng Trung ương.

1989



Thành lập Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 trên cơ sở tách Công ty Giống cây trồng Trung ương thành hai công ty: Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 và Công ty Giống cây trồng Trung ương 2 (nay là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam - SSC).

2003



Chuyển đổi công ty giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty cổ phần giống cây trồng Trung ương (thực hiện Quyết định 5029/TCCB/BNN ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Vốn điều lệ ban đầu 13.500.000.000 đồng với 8 đơn vị thành viên.



2006



Niêm yết chính thức trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM với mã chứng khoán NSC.

2011



Công ty được chính thức công nhận là Doanh nghiệp khoa học công nghệ (Doanh nghiệp khoa học công nghệ đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam).

2014



Tăng vốn điều lệ lên 152.950.000.000 đồng. Số đơn vị thành viên 11 đơn vị và 03 công ty con. Tổng tài sản đạt 953 tỷ, vốn chủ sở hữu: 745 tỷ tăng gấp 40 lần so với thời điểm mới cổ phần hóa năm 2004.

2015



Tổng tài sản đạt 1.557.689.093.707 đồng, vốn chủ sở hữu: 1.002.650.818.479 đồng.







NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Những hoạt động kinh doanh chính đã đưa Vinaseed đạt được thành tựu về doanh thu và lợi nhuận đáng kể như sau:

- Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.
- Kinh doanh bất động sản.

THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Các giải thưởng tiêu biểu đã được trao tặng trong năm 2015

- Huân chương lao động hạng nhì do Chủ tịch nước trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2010 - 2014.
- Bằng Khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 2015.
- TOP 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam xếp hạng ghi nhận doanh nghiệp có tăng trưởng cao và bền vững về doanh thu và lợi nhuận, lợi nhuận trên vốn và lợi nhuận trên cổ phiếu, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động và có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế đất nước cũng như giá trị xã hội lớn lao.
- Giải thưởng Sao Vàng đất Việt - TOP 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam do Trung ương Hội liên hiệp Việt Nam phối hợp với Trung ương hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức năm 2015.
- Giải thưởng doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm An sinh xã hội và phát triển cộng đồng năm 2015 do Bộ Kế hoạch và đầu tư tổ chức.
- TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Tạp chí Nhip cầu Đầu tư khảo sát và bình xét. So với bảng xếp hạng năm 2015, Vinaseed đã tăng thứ hạng lên 1 bậc từ 13 lên 12 do có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững.
- TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2015 (FAST 500).
- Giải thưởng doanh nghiệp vì nhà nông năm 2015 - Doanh nghiệp đứng thứ 2 trong TOP 100 Doanh nghiệp đạt giải thưởng Doanh nghiệp vì Nhà nông do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.
- TOP 50 Vietnam Best Growth Companies 2010 - 2015, Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015, là hình mẫu tiêu biểu cho sự thành công của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tăng trưởng nhanh giai đoạn sau hội nhập WTO.
- TOP 30 doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất năm 2015 (ARA Việt Nam 2015) do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM tổ chức xét chọn. BCTN của Công ty đã được đánh giá cao ở nội dung minh bạch, khát vọng và giàu tính nhân văn với thiết kế ấn tượng, trình bày nhất quán



Các giải thưởng những năm trước

1. Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng do có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2004 đến năm 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
2. Cờ thi đua Chính phủ trao tặng cho công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2011, 2014.
3. Bằng Khen của Thủ tướng chính phủ trao tặng cho công ty vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2004 - 2006.
4. Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính qua các năm.
5. Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2012 do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT trao tặng.
6. TOP 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á năm 2013 do Forbes xếp hạng.
7. Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2012, 2013, 2014 (Fast 500) do Vietnam Report phối hợp cùng báo Vietnamnet thực hiện.
8. Xếp hạng 14 trong TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam giao đoạn 2010-2012 và xếp hạng 13 trong TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2013 do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư phối hợp cùng công ty Chứng khoán Thiên Việt bình chọn.
9. Giải thưởng Sao Vàng đất Việt TOP 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam do Trung ương Hội liên hiệp Việt Nam phối hợp với Trung ương hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức các năm 2010 và năm 2013, 2014.
10. Giải thưởng Hội nhập Kinh tế quốc tế năm 2010 TOP 20 doanh nghiệp tiêu biểu do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Bộ Công thương, Ban Thi Đua khen thưởng Trung ương phối hợp trao tặng.
11. Thương hiệu nổi tiếng ASIAN 2013 do Bộ Thông tin Văn hóa Lào, Bộ Công thương - Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia tổ chức trao tặng.
12. Giải thưởng doanh nghiệp Văn hóa của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch năm 2009
13. TOP 20 DN chứng khoán tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2009 do Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hãng thông tin hàng đầu thế giới Dun & Bradstreet (D&B) Hoa Kỳ xếp hạng
14. Cúp vàng giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín từ năm 2007 đến 2012
15. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng Chất lượng từ năm 2007, 2008, 2009, 2010 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ I năm 2013 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
16. Giải thưởng Thương hiệu Bạ của nhà nông năm 2005 - 2007 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
17. TOP 30 doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất năm 2014 (ARA Việt Nam 2014) do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM tổ chức xét chọn.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Nhạy bén với xu thế phát triển của thế giới cũng như dựa trên việc thấu hiểu nhu cầu tiêu dùng nội địa, Vinaseed xây dựng mục tiêu phát triển dòng sản phẩm chất lượng cao, thích nghi với biến đổi khí hậu toàn cầu và gia tăng giá trị hạt giống theo hướng tích hợp công nghệ kết hợp khai thác chuỗi giá trị sản phẩm, phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức, tập trung đào tạo nguồn lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hóa ngành giống cây trồng.

Mục tiêu thị trường

- Chi phối thị trường miền Bắc và Bắc Trung bộ.
- Mở rộng thị trường miền Nam, miền Trung Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Đông Nam bộ.
- Đẩy mạnh xuất khẩu hạt giống Ngô sang các nước trong khu vực, chú trọng thị trường Lào, Campuchia.
- Xuất khẩu giống rau nhiệt đới sang thị trường phía Nam Trung Quốc như Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam.

Mục tiêu kinh doanh:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế 25%/năm.
- Mục tiêu thị phần hợp nhất chiếm khoảng 18% tổng thị phần của Ngành.
- Doanh thu công ty mẹ Vinaseed đạt 1280 tỷ VNĐ năm 2020.
- Cổ tức ổn định từ 30% - 50%/năm bằng tiền mặt.





NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- 18 Sơ đồ tổ chức
- 20 Thành viên Hội đồng quản trị
- 22 Thành viên Ban Tổng giám đốc
- 24 Thành viên Ban Kiểm soát
- 26 Mạng lưới hoạt động và Đơn vị thành viên



vinaseed



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám Đốc

Đơn vị thành viên

Miền Bắc

- Chi nhánh CTCP Giống cây trồng TW Thái Bình
- Xí nghiệp Giống cây trồng TW Ba Vì, Hà Nội
- Chi nhánh CTCP Giống TW Hà Nam
- Chi nhánh CTCP Giống cây trồng TW Thanh Hoá
- Nhà máy chế biến Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và CGCN Giống cây trồng TW Khoái Châu, Hưng Yên.
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng TW, Ba Vì, Hà Nội

Miền Trung

- Chi nhánh CTCP Giống cây trồng TW Vinh - Nghệ An

Miền Nam

- Văn phòng đại diện tại Tây Ninh

Ban kiểm soát

Công ty con

- Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây, Hà Nội
- Công ty cổ phần Giống cây trồng TW Quảng Nam.
- Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam

Khối nghiệp vụ

- Phòng Kế hoạch & Đầu tư
- Phòng Kinh doanh 1
- Phòng Kinh doanh 2
- Phòng Kinh doanh nông sản
- Phòng Quản lý chất lượng
- Phòng Marketing & Phát triển sản phẩm
- Phòng Sản xuất 1
- Phòng Sản xuất 2

Lào

- Văn phòng đại diện Giống cây trồng TW tại tỉnh Udomxay, CHDCND Lào

Khối hỗ trợ

- Phòng Nhân sự Hành chính
- Phòng Tài chính Kế toán

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà TRẦN KIM LIÊN
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà LÊ THỊ LỆ HẰNG
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



Ông ĐỖ BÁ VỌNG
THÀNH VIÊN HĐQT
KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật	Thạc sỹ Tài chính.	Kỹ sư Nông học
Trình độ chính trị	Cao cấp chính trị		

Quá trình công tác

1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao

1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao

1996 - 1997: Phó Giám đốc Xí nghiệp Nông công nghiệp Đồng Giao

1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao

1998 - 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.

2000 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng Trung ương I

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.

1999 - 2007: Chuyên viên phân tích cấp cao tại Công ty Quản lý Quỹ W.P.Stewart, NewYork, USA.

2007 - 2010: Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

2010 - nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Sài Gòn, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú, Ủy viên HĐQT Công ty CP Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh, Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.

3/2012 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

1993 - 1994: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên

1994 - 2001: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên

2001 - 2004: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn - Hà Nam

2004 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.



Bà NGUYỄN THỊ TRÀ MY
THÀNH VIÊN HĐQT

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông TRẦN ĐÌNH LONG
THÀNH VIÊN HĐQT

Giáo sư, Viện sỹ, Tiến sỹ khoa học.



Ông NGUYỄN KHẮC HẢI
THÀNH VIÊN HĐQT

Thạc sỹ Luật, cử nhân QTKD

1993 - 1995: Trợ lý TGD tại Công ty International Business Advisor

1995 - 2012: Giám đốc tài chính kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Biomin Việt Nam

2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần CSC Việt Nam

2012 - nay: Cố vấn cao cấp Công ty Biomin Việt Nam

3/2013 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

1967 - 1968: Giảng viên Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội

1968 - 1981: Giảng viên Đại học Nông nghiệp II - Hà Nội

1981 - 1983: Thực tập sinh tại Liên bang Nga

1983 - 1993: Giám đốc Trung tâm Giống cây trồng Việt Nga

1993 - 2002: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam

2002 - 2003: Giám đốc Trung tâm thực nghiệm Đậu Đỏ - Viện KHKTNN Việt Nam

2003 - nay: Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam; Phó chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam, Thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia Quỹ Môi trường toàn cầu/GEF-UNDP Việt Nam, Ủy viên Hội đồng KHCN viện Cây lương thực cây thực phẩm, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Miền núi phía Bắc, Viện nghiên cứu rau quả TW, Trung tâm tài nguyên thực vật. Ủy viên Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam

2004 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

2001 - 2004: Chuyên viên cao cấp Ban Pháp chế, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

2007 - 2010: Thành Viên Ban Dự Án thành lập Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Giám đốc luật và Quản lý rủi ro Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH quản lý Quỹ SSI.

3/2012 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà TRẦN KIM LIÊN
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông PHẠM NGỌC LÝ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật

Thạc sỹ Tài chính kế toán

Trình độ chính trị

Cao cấp chính trị

Quá trình công tác

1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao

1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao

1996 - 1997: Phó Giám đốc Xí nghiệp Nông công nghiệp Đồng Giao

1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao

1998 - 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.

2000 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng Trung ương I

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.

1981 - 1985: Cán bộ Vụ Tài chính Kế toán - Bộ Nông nghiệp và PTNT

1985 - 1992: Kế Toán trưởng xí nghiệp cung ứng vật tư và vận tải

1992 - 2003: Cán bộ công ty Giống cây trồng trung ương I

2003 - 2/2010: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

2004 - 4/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương

2010 - nay: Phó Tổng giám đốc công ty CP Giống cây trồng trung ương



Ông NGUYỄN HẢI THỌ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Ông ĐỖ BÁ VỌNG
THÀNH VIÊN HĐQT
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỹ sư Nông học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

1984 - 1996: Cán bộ chỉ đạo trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội

1996 - 2003: Phó GD trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội

2004 - 2007: Phó phòng TTKD công ty CP Giống cây trồng trung ương.

2007 - 2010: Trưởng phòng Phát triển sản phẩm mới Công ty CP Giống cây trồng TW Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội

2010 - 2011: Giám đốc Xí nghiệp Ba Vì

2011 - nay: Phó Tổng GD công ty CP Giống cây trồng TW kiêm GD Xí nghiệp Ba Vì

1993 - 1994: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên

1994 - 2001: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên

2001 - 2004: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn - Hà Nam

2004 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN KHÁNH QUỲNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN TUẤN ANH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông ĐỖ TIẾN SỸ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD.

Cử nhân Kinh tế

Thạc sỹ Kinh tế

Trình độ chính trị

Quá trình công tác

2001 - 2002: Nhân viên kinh doanh XNK Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunhouse.

2002 - 2004: Phụ trách mua hàng nông sản xuất khẩu khu vực Miền Trung - Công ty TNHH OLAM Việt Nam.

2004 - 2006: Chuyên viên tài trợ thương mại XNK - Ngân Hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.

2008 - 2010: Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)

2010 - 2014: Phó Giám đốc đầu tư - Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)

2014 - nay: Giám đốc đầu tư - Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

6/2005 - 8/2007: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán A&C Việt Nam

10/2007 - 3/2010: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam

4/2010 - 7/2013: Trưởng phòng Quản lý giám sát - Ban Quản lý và Giám sát Đầu tư tài chính tại Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex.

8/2013 - nay: Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn Pan (The PAN Group).

8/2000 - 3/2001: Phó phòng TT Kinh doanh Công ty Giống cây trồng Trung ương 1

2001 - 2004: Trưởng phòng TT Kinh doanh Công ty Giống cây trồng Trung ương 1

2004 - 2010: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty CP Giống cây trồng TW.

2010 - 2012: Ủy viên HĐQT, Chủ tịch BCH Công đoàn, Giám đốc kinh doanh Công ty CP Giống cây trồng TW.

2012 - nay: Thành viên BKS, Chủ tịch BCH Công đoàn, Giám đốc kinh doanh Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.



ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	DIỆN THOẠI/FAX
1	Trụ sở chính	Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	04.38523294/ 04.38527996
2	Xí nghiệp Giống cây trồng trung ương Ba Vì	Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội	034.3863091/ 034.3864185
3	Chi nhánh công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Hà Nam	Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	0351.3835463/ 0351.3835061
4	Chi nhánh công ty cổ phần Giống cây trồng TW Thanh Hóa	Xã Định Tường, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá	037.3869251
5	Chi nhánh công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Thái Bình	Xã Đông Hợp, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	036.3851256/ 036.3550684
6	Chi nhánh công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Vinh - Nghệ An	Phường Đội Cung, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	038.3531822/ 038.3844937
7	Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và CGCN Giống cây trồng TW Ba Vì	Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội	04.66736717
8	Nhà máy chế biến Giống cây trồng trung ương Thường Tín	Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Hà Nội	034.3853239
9	Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và CGCN Giống cây trồng TW Khoái Châu	Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	0321.391034
10	Văn phòng đại diện tại Tây Ninh	Số 3677, Tổ 1, Ấp 4, Bầu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh	066.3857379
11	Văn phòng tại tỉnh Udomxay - Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Tỉnh Udomxay, nước CHDCND Lào.	0085. 6812 12554

Công ty con

1	Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.	043.3535401/ 043.353035
2	Công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam	Km 943, Q11a, Điện Thắng Bắc, Điện Bàn, Quảng Nam <i>(*Kể từ ngày 08/3/2016, công ty cổ phần Giống Nông lâm nghiệp quảng Nam đổi tên thành công ty cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam)</i>	0510.3869455
3	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (Mã CK: SSC)	282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.	083.8442414/ 083.8442387

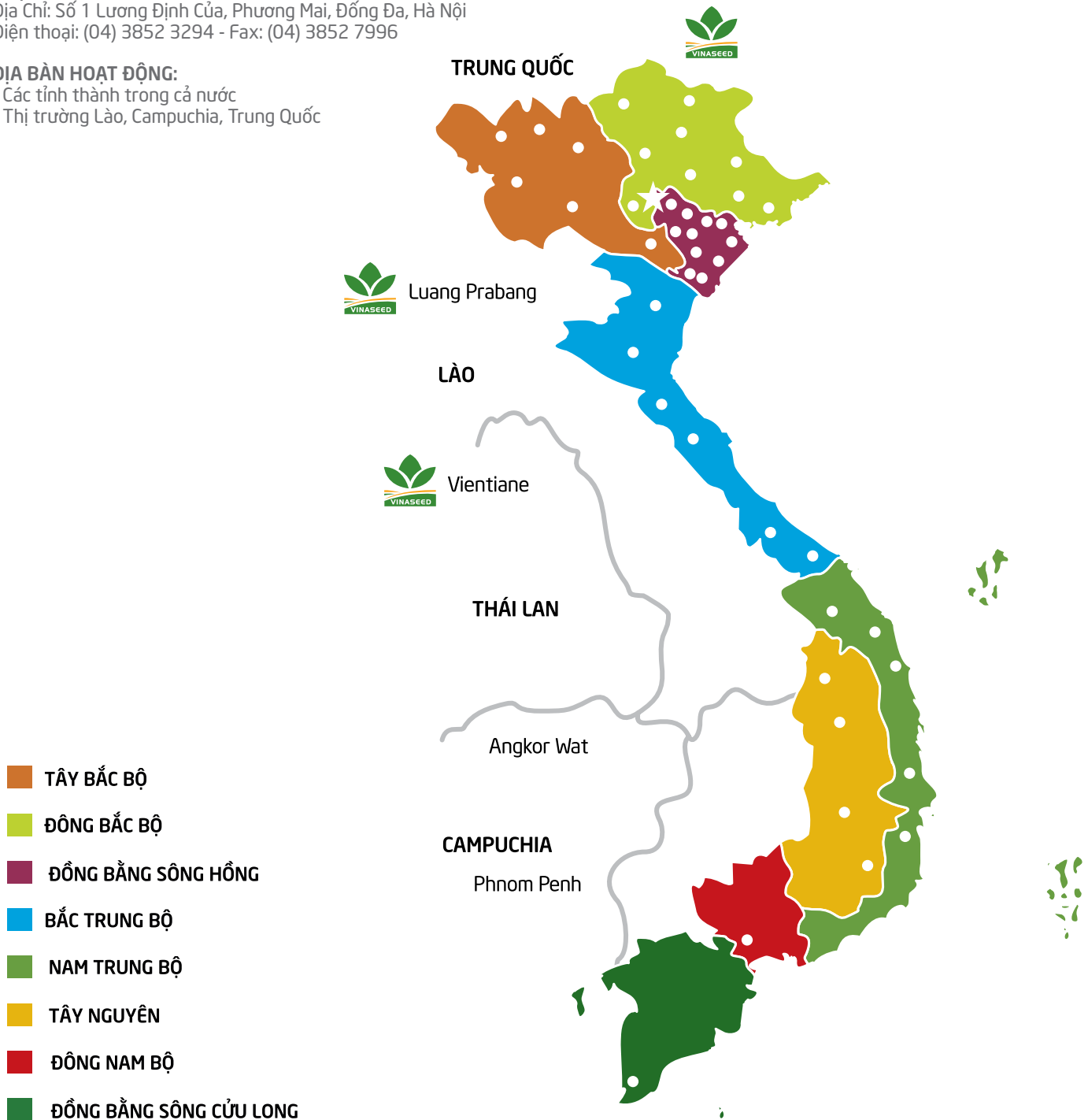
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

Địa Chỉ: Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3852 3294 - Fax: (04) 3852 7996

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG:

- Các tỉnh thành trong cả nước
- Thị trường Lào, Campuchia, Trung Quốc



2015 - NĂM BẢN LỀ GHI DẤU CÁC THÀNH TỰU GÂY DỰNG NỀN TẢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



KẾT QUẢ KINH DOANH

Công ty mẹ:

Lợi nhuận 156,5 tỷ đồng, bằng 104,3% kế hoạch, bằng 129% cùng kỳ.

EPS: 10.232 đ/CP, bằng 102,3% kế hoạch, bằng 129% cùng kỳ 2014.

Công ty hợp nhất:

Lợi nhuận sau thuế: 157 tỷ bằng 126,7% cùng kỳ.

EPS: 9.261 đ/CP bằng 111,7% cùng kỳ.

Tổng tài sản đạt: 1.557,7 tỷ đồng. Trong đó Vốn CSH: 1.002,7 tỷ đồng.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ M&A

- Thực hiện thành công đầu tư M&A các công ty trong ngành trở thành công ty giống có quy mô lớn nhất trong ngành giống cây trồng Việt Nam.

- Công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC) từ 40,16% lên 61,49%.

- Công ty CP Giống cây trồng TW Quảng Nam (QSC) từ 84,17% lên 90,02%

Vị thế và uy tín của công ty không ngừng được nâng cao



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

Xây dựng chiến lược phát triển Công ty Giai đoạn 2016 - 2020, với trọng tâm trong giai đoạn 2016 tiếp tục thực hiện các hoạt động tái cơ cấu bộ máy quản trị tại các Công ty con và các đơn vị thành viên trực thuộc

Kiện toàn bộ máy quản trị, thiết lập hệ thống văn bản và quy chế Quản trị, thực hiện hoạt động kiểm soát và giám sát chặt chẽ tại các đơn vị thành viên.

Xây dựng quy chế quản trị rủi ro trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu,





Năm 2015, với sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên, sát sao của HĐQT và BKS trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, sự nỗ lực và trách nhiệm của Bộ máy điều hành, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tháng 10/2015: khánh thành trung tâm công nghiệp chế biến Hà Nam
- Khánh thành Trung tâm Trình diễn Công nghệ mới và Trung tâm Công nghệ Sinh học tại Khoái Châu, Hưng Yên.



NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và đưa vào danh mục sản phẩm kinh doanh 3 giống mới: Giống ngô lai F1 HN90, 02 giống sản xuất thử là giống lúa VS8 và giống ngô nếp hoa HN66.

VỀ CÔNG TÁC LAI TẠO:

- 01 giống ngô rau NR15 có năng suất tương đương nhưng chất lượng ngon và khả năng chống chịu tốt hơn.
- Thực hiện chuyển giao thành công 2 giống lúa lai, 1 giống ngô tẻ lai, 01 giống ngô đường lai, 01 giống mướp đắng, 01 bí xanh, 01 bầu lai, 01 dưa chuột, 01 giống ớt, 01 giống cà chua nâu. Duy trì, chọn lọc 01 tổ hợp dưa lưới.
- chọn tạo giống bằng công nghệ sinh học phân tử và hợp tác sử dụng kết quả nghiên cứu với dự án Jica của Nhật Bản.



RA MẮT CÁC THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM NÔNG SẢN MỚI

Ra mắt các thương hiệu nông sản cao cấp - thành tựu của quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm ứng dụng công nghệ cao

Giới thiệu tới người tiêu dùng các dòng sản phẩm gạo TƯƠI VÀ SẠCH với mong muốn nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng và đảm bảo an toàn cho bữa cơm gia đình Việt.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

32 Chiến lược kinh doanh và phát triển bền vững

34 Phân tích SWOT

36 Các hoạt động mang tính chiến lược



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với mục tiêu phấn đấu trở thành công ty dẫn đầu về uy tín, chất lượng và sản phẩm trong thị trường giống cây trồng Việt Nam, Vinaseed tập trung mọi nguồn lực với các định hướng chiến lược tập trung trong giai đoạn 2014 -2016:

1. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng chiến lược nghiên cứu, chiến lược phát triển sản phẩm mới theo chuỗi giá trị nhằm phát huy lợi thế và nâng cao năng lực cạnh tranh. Vinaseed hướng đến kinh doanh giống các cây trồng gắn với Chuyển giao các dịch vụ kỹ thuật mới, có công nghệ sản xuất có thể áp dụng đại trà một cách thuận lợi, chi phí thấp nhưng vẫn đảm bảo yếu tố bền vững và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân.
2. Tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện công nghiệp hóa ngành giống nhằm nâng cao chất lượng hạt giống cây trồng đạt tiêu chuẩn các nước trong khu vực và chuẩn mực quốc tế.
3. Tập trung nguồn lực vào phát triển ngành nghề chính mà công ty đang có thế mạnh trên thị trường là sản xuất kinh doanh giống cây trồng nông, lâm nghiệp, trong đó tập trung vào phát triển các loại giống cây trồng chính như: Giống lúa, giống ngô, giống rau nhiệt đới, giống đậu và cây giống lâm

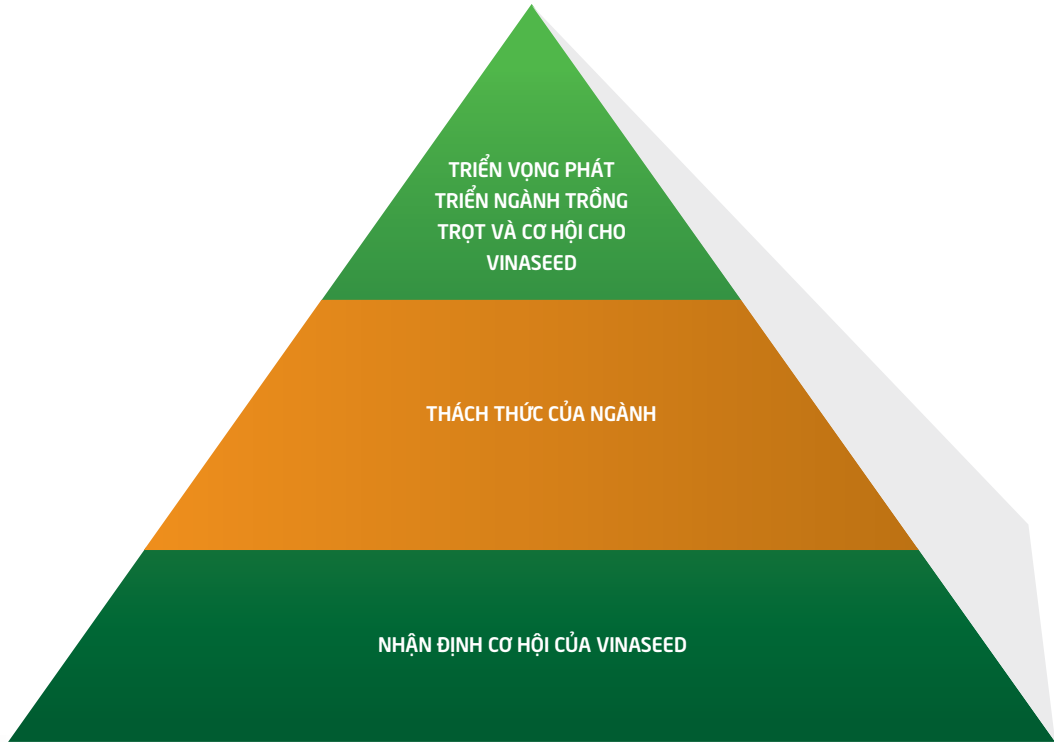
nghiệp; Phát triển các giống cây trồng có năng suất và chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Từ định hướng chính sách vĩ mô của Nhà nước tái cấu trúc ngành trồng trọt Việt Nam theo hướng chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sản xuất các mặt hàng khác thay thế nhập khẩu, Vinaseed cũng đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và phát triển sản phẩm theo hướng tập trung vào nghiên cứu các giống cây trồng (ngô và đậu tương) phục vụ cho sản xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Cụ thể là phát triển các giống ngô ngắn ngày để sản xuất vụ Đông tăng vụ cho khu vực đồng bằng sông Hồng, vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên; và cung cấp những giống ngô dài ngày với năng suất, chất lượng cao hơn để thay thế cho giống nhập khẩu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.



Vinaseed tập trung mọi nguồn lực
với các định hướng chiến lược tập
trung trong giai đoạn 2014 -2016



PHÂN TÍCH SWOT



TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỒNG TRỌT VÀ CƠ HỘI CHO VINASEED

Đối với ngành trồng trọt thì giống cây trồng là lĩnh vực sản xuất và cung cấp tư liệu sản xuất chủ yếu và có vai trò quyết định đến khả năng cạnh tranh của ngành trong việc nâng cao giá trị sản lượng hàng hóa nông nghiệp. Dự báo đến năm 2020, quy mô thị trường khoảng 1,7 tỷ USD (dự báo dựa trên tốc độ tăng trưởng thị trường là 13%). Hiện nay, có khoảng 30% diện tích trồng trọt được sử dụng giống hàng hóa và dự báo đến năm 2020, tỷ lệ này được nâng lên 70%. Với quy mô thị trường ngày càng được mở rộng, cơ hội cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống cây trồng cũng ngày một lớn hơn. Là một công ty giống cây trồng hàng đầu Việt Nam, Vinaseed có những lợi thế vượt trội trong ngành, có thể kể đến như:

- Có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và quan hệ hợp tác sản xuất tại địa phương, có nguồn gen bản địa phong phú giúp cho công tác lai tạo giống thích hợp tại Việt Nam.
- Có hệ thống phân phối rộng khắp và đa dạng về hình thức.
- Có hệ thống mạng lưới các đơn vị trực thuộc, vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ổn định tại các vùng sinh thái khác nhau. Để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh, đặc biệt đối với các giống nhiệt đới.

THÁCH THỨC CỦA NGÀNH

- Năng lực nghiên cứu, ứng dụng và nguồn vật liệu tạo giống tiên tiến, khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế của ngành nông nghiệp còn hạn chế.
- Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là cơ sở nghiên cứu còn lạc hậu, nguồn lực tài chính còn hạn chế khi 90% các công ty giống của Việt Nam có quy mô vốn chỉ dưới 10 tỷ VNĐ.
- Năng lực cạnh tranh trong phân khúc cao cấp như nghiên cứu sản xuất hạt lai F1, sản phẩm GMO... và kinh nghiệm phát triển sản phẩm rất hạn chế, trong khi phải chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ đến từ các tập đoàn đa quốc gia như Monsanto, CP, Syngenta...
- Kinh nghiệm quản trị ngành (bao gồm quản trị chiến lược, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi...) còn chưa hoàn thiện, thiếu sự liên kết trong chuỗi giá trị ngành và chất lượng hạt giống vẫn chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là trong công tác chế biến và bảo quản cũng như tích hợp công nghệ để gia tăng giá trị hạt giống cây trồng.

NHẬN ĐỊNH CƠ HỘI CỦA VINASEED

- Trong thời điểm hiện tại, Chính phủ đã ban hành rất nhiều chính sách vĩ mô thuận lợi cho phát triển ngành nông nghiệp. Các chính sách điển hình có thể kể đến: Nghị quyết số 26 NQ/TU Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn và nông dân cùng hàng loạt chính sách về khoa học công nghệ; Chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn như: Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, QĐ 2194/QĐ - TTG của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020, Quyết định 1244/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ; Nghị định 80, 96 của chính phủ về doanh nghiệp KHCN và các chương trình sản phẩm trọng điểm quốc gia, Chương trình đổi mới khoa học công nghệ... với rất nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho ngành giống phát triển.
- Để nắm bắt những điều kiện thuận lợi trong ngành giống cây trồng hiện nay, Vinaseed có đội ngũ nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản và có nhiều trải nghiệm, có khả năng thích ứng cao và đặc biệt tâm huyết gắn bó với công ty. Vinaseed cũng đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu của công ty đối với đối tác và khách hàng trong nước và quốc tế, đồng thời tham gia và được hỗ trợ đầu tư thông qua các chương trình nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật mới cho nông nghiệp.
- Vinaseed cũng là đơn vị được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn tham gia vào chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó các sản phẩm chủ lực của công ty sẽ được thương mại hóa. Đây là thuận lợi rất cơ bản để công ty chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã nghiên cứu đến với những yêu cầu thực tế của nông dân.

CÁC HOẠT ĐỘNG MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC



1

Tập trung vào công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng quy mô phát triển mới của công ty:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản trị, bố trí sắp xếp, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tuyển dụng bổ sung nhân sự đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô công ty.

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống quản trị tiến tiến, minh bạch công khai và đặc biệt chú trọng đến quản trị rủi ro cho Công ty.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, xây dựng chính sách đãi ngộ tốt cho đội ngũ CBNV đặc biệt đối với đội ngũ chuyên gia nghiên cứu, cán bộ nghiên cứu, cán bộ phát triển sản phẩm, đội ngũ cấp trung và kế cận tạo nền tảng phát triển bền vững cho công ty.

2

Tiếp tục đầu tư, hợp tác tại các công ty mục tiêu cùng ngành, các công ty có cùng chuỗi giá trị sản xuất để phát huy tối đa lợi thế về cơ sở vật chất và thị trường.

3

Kinh doanh theo hướng gia tăng giá trị hạt giống cây trồng (tập trung phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị thặng dư lớn) kết hợp phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm (phát triển các ngành hàng có liên quan để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh và thị trường như phát triển ngành hàng kinh doanh nông sản, giống hoa, ăn quả, phân bón vi sinh,...). Kinh doanh giống đi đôi với chuyển giao các dịch vụ khoa học công nghệ mới, chủ yếu tập trung vào những công nghệ sản xuất thuận tiện cho việc áp dụng đại trà, chi phí thấp nhưng vẫn đảm bảo yếu tố bền vững và hiệu quả kinh tế cao cho bà con nông dân.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Đánh giá Thị trường 2015 40

Tổng quan hoạt động & Kết quả Kinh doanh năm 2015 42

Báo cáo Hoạt động Hội đồng Quản trị 44

Đánh giá Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 46

Báo cáo của Ban Điều Hành 48

Giới thiệu Công ty con 52

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2015

Năm 2015, tình hình thị trường nông sản và sản xuất nông nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn, biến đổi khí hậu, hạn hán kéo dài, các doanh nghiệp kinh doanh giống gặp rất nhiều khó khăn. Tăng trưởng GDP nông nghiệp năm 2015 chỉ đạt 2,2% thấp nhất trong vòng 5 năm qua (2011 - 2015: 3,12%, năm 2014: 3,44%), hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu sử dụng vốn vay, chi phí lãi vay lớn, năm 2015 công ty cũng bắt đầu phải nộp thuế TNDN. Trước những khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị vẫn lãnh đạo công ty hoàn thành tốt tất cả các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đã đề ra.

**NGÀNH TRỒNG
TRỘT HIỆN NAY
ĐANG ĐI THEO CÁC
XU HƯỚNG PHÁT
TRIỂN MỚI**

- Xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, đồng thời tái cấu trúc theo hướng gia tăng giá trị trên mỗi đơn vị diện tích và phát triển sản xuất theo lợi thế cạnh tranh nông sản nhiệt đới.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích trồng ngô, rau, đậu tương để thay thế hàng nhập khẩu, đáp ứng nguyên liệu cho thức ăn gia súc.

- Gia tăng giá trị sản xuất lúa gạo theo hướng giảm dần diện tích trồng lúa, nâng cao tỷ trọng giống lúa có chất lượng cao và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, giảm trung gian trong chuỗi giá trị lúa gạo.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao để thực hiện chuyên môn hóa và thúc đẩy quá trình phân công lại lao động trong nông nghiệp, gắn kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng từ khâu nghiên cứu đến cung cấp sản phẩm cuối cùng và gắn với chế biến nông sản.

- Xu hướng sáp nhập các công ty nhỏ với các công ty lớn để mở rộng quy mô, nâng cao năng lực tài chính và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG & KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

Năm 2015, HĐQT, BKS và Ban điều hành công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh và đầu tư trên tinh thần chủ động, sáng tạo, tận dụng cơ hội, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

Bất chấp những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến khả năng hiện thực hóa kế hoạch Kinh doanh của Công ty trong năm 2015 như biến đổi khí hậu, hạn hán kéo dài, tăng trưởng GDP trong ngành Nông nghiệp thấp nhất trong 5 năm trở lại đây, HĐQT và Ban Điều hành Công ty, với sự kiên định trong tầm nhìn cùng sự chỉ đạo tập trung và hiệu quả, sáng tạo trong các quyết định, xuất sắc thực hiện Mục tiêu Kinh doanh năm 2015:

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH	TH/CK
1	Doanh thu	Trđ	780,000	772,941	674,697	99.1%	114.6%
2	DTSP công nghệ cao	%		60%	52%		115.4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	150,000	156,504	121,334	104.3%	129.0%
4	ROS (LN/DT)	%	19.2%	20.2%	18%	105.3%	112.6%
5	EBIT	Trđ		170,026	123,240		138%
6	ROA	%		13%	12.8%		101.5%
7	ROE	%		18.9%	16.1%		117%
8	EPS	Đồng/cp	10,000	10,237	7,936	102.4%	129.0%

Kết quả Kinh doanh năm 2015 hợp nhất

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH	TH/CK
1	Doanh thu	Trđ	1,200,000	1,248,623	712,909	104.1%	175.1%
2	Chênh lệch giá	Trđ		455,112	246,662		184.5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	170,000	157,108	124,028	92.4%	126.7%
4	ROS (LN/DT)	%	14.2	12.6	17.4	88.8	72.3
5	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			141,629	122,758		115.4%
6	EBIT	Trđ		186,955	126,843		147.4%
7	ROA	%		10.1%	13.0%		77.5%
8	ROE	%		15.7%	16.5%		94.8%
9	EPS	Đ/cp	11,100	9,261	8,293	83.4%	111.7%
10	Cổ tức bằng tiền mặt	%	30%	30%	30%	100.0%	100.0%
11	Chi phí lãi vay	Trđ		8,549	638		1340%
12	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	Trđ		23,419	2,176		1076%



Chi trả cổ tức bằng tiền
mặt trong năm 2015 đạt

30%

Lợi nhuận sau thuế đạt

104.3%

so với kế hoạch
vượt 29% so với cùng kì 2014

Doanh thu thực hiện đạt

114.6%

so với cùng kỳ 2014

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá Kết quả Kinh doanh 2015

Năm 2015, HĐQT, BKS và Ban điều hành công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh và đầu tư trên tinh thần chủ động, sáng tạo, tận dụng cơ hội, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

- ▶ Doanh thu thực hiện đạt 114.6% so với cùng kỳ 2014
- ▶ Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 104.3% , vượt kế hoạch đề ra 29%
- ▶ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2015 đạt 30%

Đánh giá Hoạt động Nghiên cứu, Ứng dụng và chuyển giao Khoa học Công nghệ năm 2015

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương với tư cách là một Công ty Khoa học Công nghệ chuyên cung ứng những giải pháp Công nghệ cao sử dụng trong Nông nghiệp, trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện vai trò và vị thế tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu, phát triển các giống cây trồng mới, có khả năng chống chịu cao với điều kiện khí hậu khắc nghiệt và sự phát triển phức tạp của các loại sâu bệnh gây hại. Trong

tương lai với định hướng phát triển trung tâm nghiên cứu ứng dụng và CGCN Giống cây trồng TW Ba Vì và Khoái Châu trở thành viện nghiên cứu với các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và đào tạo nguồn nhân lực ở cấp độ cao, nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ trong mỗi sản phẩm, dẫn đầu và tạo đà cho hoạt động tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Kết quả Hoạt động Nghiên cứu năm 2015

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật là hoạt động chính của công ty, là động lực cho Công ty phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự khác biệt sản phẩm, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Kết quả hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ năm 2015:

Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và đưa vào danh mục sản phẩm kinh doanh 3 giống: Giống ngô lai F1 HN90 và O2 giống sản xuất thử có triển vọng là giống lúa VS8 và giống ngô nếp hoa HN66.

- Về công tác lai tạo:

Tổng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015

93.160.797.249 đồng

- Đã kết luận được 01 giống ngô rau NR15 thay thế LVN23 trên thị trường do có năng suất tương đương nhưng chất lượng ngon và khả năng chống chịu tốt hơn.

- Hợp tác nghiên cứu, khảo nghiệm trình diễn các giống cây trồng mới, thực hiện chuyển giao thành công 2 giống lúa lai, 1 giống ngô tẻ lai, 01 giống ngô đường lai, 01 giống mướp đắng, 01 bí xanh, 01 bầu lai, 01 dưa chuột, 01 giống ớt, 01 giống cà chua nâu. Duy trì, chọn lọc 01 tổ hợp dưa lưới.

- Hợp tác nghiên cứu: chọn tạo giống bằng công nghệ sinh học phân tử và hợp tác sử dụng kết quả nghiên cứu với dự án Jica của Nhật Bản.

- Thành lập phòng công nghệ sinh học, hoàn chỉnh cơ sở vật chất nghiên cứu Khoái Châu.

Kết quả Hoạt động Đầu tư và Xây dựng cơ bản năm 2015

Hoạt động Đầu tư Tài chính 2015

Căn cứ Nghị quyết 35/NQ-ĐHĐCĐBT, Nghị quyết 118/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 114/NQ-CTG-HĐQT ngày 22/01/2015, công ty đã thực hiện M&A thành công nâng tỷ lệ sở hữu tại:

- ▶ Công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC) từ 40,16% lên 61,49%.
- ▶ Công ty CP Giống cây trồng TW Quảng Nam (QSC) từ 84,17% lên 90,02%
- ▶ TSC nếu tính phần chưa chuyển nhượng chính thức: 94.188 CP (tương đương 9,46%) thì tỷ lệ sở hữu tại TSC: 19,49%. Số CP này đã đầu tư từ 2014, năm 2015 hoàn tất thủ tục.

Hoạt động Đầu tư Xây dựng cơ bản 2015:

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện theo đúng Nghị quyết số 118/NQ-CTG-ĐHĐCĐTN của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015. Các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được

thực hiện đúng thủ tục quy định của Luật Đấu thầu, mua sắm thiết bị chào hàng cạnh tranh, thuê tư vấn giám sát độc lập, thi công công trình đảm bảo tiến độ và chất lượng. 03 Dự án đã quyết toán xong (Dự án nhà máy Đồng Văn, Dự án xây dựng trụ sở Văn phòng công ty, Dự án kho DTQG), các công trình được đưa vào sử dụng kịp thời. Trong đó:

1. Dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty tại số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội:

- Diện tích đất xây dựng: 326m²

- Diện tích xây dựng: 1820m² cao 7 tầng và 1 tầng hầm.

2. Dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng TW Đồng Văn tại Thị trấn Duy Tiên, Đồng Văn, Hà Nam:

- Diện tích: 30.420 m².

- Công suất chế biến: 10.000 tấn/năm đối với hạt giống và 18.000 tấn/năm đối với gạo. Công suất bảo quản kho: 10.000 tấn.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Hội đồng quản trị đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng Quý đối với Bộ máy điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động nội bộ công ty, cung cấp thông tin minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan.

Qua hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT và BKS công ty đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2015 như sau:

1. Ban Tổng giám đốc đã thực thi nhiệm vụ theo đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị theo Quy chế quản trị nội bộ công ty, thực hiện đầy đủ các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
 2. Ban Tổng giám đốc công ty đã điều hành Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đề ra. Năm 2015, kinh doanh đạt kết quả tốt, duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ.
 3. Các hoạt động đầu tư tài chính, xây dựng cơ bản được thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các quy định pháp luật. Các công trình được đưa vào sử dụng kịp thời, chất lượng công trình đảm bảo.
- Về hoạt động đầu tư: đã nâng tỷ lệ sở hữu tại SSC lên 61,4% theo đúng tiến độ và quy định của pháp luật.
4. Công tác quản lý tài chính thực hiện tốt, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và không có nợ xấu. Các báo cáo tài chính năm 2014 và báo cáo tài chính quý, bán niên trong năm 2015 đã được lập đúng tiến độ, đầy đủ, chính xác theo các chuẩn mực kế toán.
 5. Đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 theo đúng quy định pháp luật.
 6. Kỷ cương công ty được duy trì và không ngừng được nâng cao, công tác quản lý, điều hành thực hiện chuyên nghiệp, minh bạch. Hệ thống quy chế quản lý đồng bộ, hoạt động đúng định hướng chiến lược phát triển của Công ty. Bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng.

7. Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng cơ bản của công ty. Các báo cáo đầy đủ, chi tiết, chính xác và cung cấp thông tin kịp thời cho HĐQT và BKS. Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin.

8. Uy tín, vị thế công ty ngày càng được nâng cao.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG		2015/2014
Doanh thu		175%
Lợi nhuận gộp		185%
Lợi nhuận sau thuế		127%
Tăng trưởng Tổng tài sản		163%
Tăng trưởng VCSH		134%
Tăng trưởng vốn hóa thị trường		119%

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2015	CK 2014	2015/2014
Tổng tài sản	Trđ	1,557,689	953,008	163%
Vốn chủ sở hữu	Trđ	1,002,651	750,671	134%
Vốn hóa thị trường (31/12/2015)	Trđ	1,453,025	1,223,600	119%
Vòng quay hàng tồn kho	%	1.8	2.0	89%
Vòng quay khoản phải thu	%	3.9	5.0	78%
Vòng quay tài sản	%	0.8	0.7	107%

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2015	CK 2014	2015/2014
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.79	2.33	77%
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.84	1.20	70%
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0.15	0.50	31%

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Năm 2015, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đề ra kể cả về quy mô và hiệu quả kinh doanh, duy trì được tốc độ phát triển cao, cụ thể:

Kết quả kinh doanh năm 2015 công ty mẹ:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH	TH/CK
DOANH THU	TRĐ	780,000	772,941	674,697	99.1%	114.6%
DT SP công nghệ cao	%		60%	52%		115.4%
CHÊNH LỆCH GIÁ	TRĐ		306,679	232,441		131.9%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	TRĐ	150,000	156,504	121,334	104.3%	129.0%
ROS (LN/DT)	%	19.2%	20.2%	18.0%	105.3%	112.6%

Công ty phát triển thành công các bộ sản phẩm mới, có giá trị kinh tế cao, ngày càng được khẳng định về chất lượng, duy trì tỷ lệ sản phẩm KHCV vì vậy công ty vẫn được hưởng chế độ miễn thuế đối với doanh nghiệp KHCV (đem lại lợi nhuận: 15,8 tỷ đồng cho công ty mẹ).

Cơ cấu sản phẩm công nghệ cao tăng từ 52% lên 60%, nên mặc dù doanh thu công ty mẹ tăng 14,6% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận tăng 29% so với cùng kỳ năm 2014.

Kết quả Kinh doanh năm 2015 hợp nhất

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH	TH/CK
1	Doanh thu	Trđ	1,200,000	1,248,623	712,909	104.1%	175.1%
2	Chênh lệch giá	Trđ		455,112	246,662		184.5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	170,000	157,108	124,028	92.4%	126.7%
4	ROS (LN/DT)	%	14.2	12.6	17.4	88.8	72.3

Các hoạt động trong năm 2015

Hoạt động sản xuất

Phát triển vùng nguyên liệu năm trong định hướng chiến lược phát triển bền vững của công ty, trong năm 2015, Công ty đã quy hoạch được các vùng sinh thái sản xuất ổn định, tập trung, đặc biệt phát triển vùng sản xuất quy mô lớn tại ĐBSCL đã góp phần đáp ứng nhu cầu giống và lúa thương phẩm phục vụ kinh doanh.

Sản xuất đáp ứng kịp thời nhu cầu hàng hóa sớm phục vụ kinh doanh. Đặc biệt cơ cấu giống chuyển vụ và giống đóc quyền góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty, tổ chức sản xuất an toàn các tổ hợp lai (4.003 tấn hạt lai).

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật là hoạt động chính của công ty, là động lực cho Công ty phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự khác biệt sản phẩm, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Kết quả Hoạt động Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ năm 2015:

- ▶ Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và đưa vào danh mục sản phẩm kinh doanh 3 giống: Giống ngô lai F1 HN90 và 02 giống sản xuất thủ có triển vọng là giống lúa VS8 và giống ngô nếp hoa HN66.
- ▶ Về công tác lai tạo:
 - Đã kết luận được 01 giống ngô rau NR15 thay thế LVN23 trên thị trường do có năng suất tương đương nhưng chất lượng ngon và khả năng chống chịu tốt hơn.
 - Hợp tác nghiên cứu, khảo nghiệm trình diễn các giống cây trồng mới, thực hiện chuyển giao thành công 2 giống lúa lai, 1 giống ngô tẻ lai, 01 giống ngô đường lai, 01 giống mướp đắng, 01 bí xanh, 01 bầu lai, 01 dưa chuột, 01 giống ớt, 01 giống cà chua nâu. Duy trì, chọn lọc 01 tổ hợp dưa lưới.
- ▶ Hợp tác nghiên cứu: chọn tạo giống bằng công nghệ sinh học phân tử và hợp tác sử dụng kết quả nghiên cứu với dự án Jica của Nhật Bản.
- ▶ Thành lập phòng công nghệ sinh học, hoàn chỉnh cơ sở vật chất nghiên cứu Khoái Châu.

Hoạt động Phát triển sản phẩm mới:

Công ty đã phát triển thành công bộ sản phẩm mạnh, có sự khác biệt khẳng định về chất lượng đem lại giá trị kinh tế cao (các giống lúa: Thiên Ưu 8, RVT, Trân Châu Hương, VS1, ngô nếp lai HN88, HN68, các dòng sản phẩm rau ăn quả lai,...). Cơ cấu sản phẩm KHCV đạt trên 80% trong đó sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao tăng từ 52% lên 60%.

Hoạt động quản trị doanh nghiệp:

- Xây dựng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2025.
- Công tác quản lý tài chính thực hiện tốt, công ty đảm bảo cân đối kịp thời nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty, không có nợ xấu.
- Kien toàn tổ chức nhân sự toàn công ty (nhân sự cho nhà máy mới Hà Nam, thành lập phòng CNSH trực thuộc Trại Khoái Châu, Phòng KHĐT, NSHC, KDNS,...).
- Ban hành chính thức chính sách phát triển bền vững, hệ thống toàn bộ văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, ban hành quy định quản trị tòa nhà, xây dựng xong từ điển vị trí chức danh cán bộ từ đó hoàn thiện quy trình tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt đối với nhân sự cấp trung và lực lượng kinh doanh. Hoàn thiện quy định tổ chức BMQT, quy chế tiền lương, quy chế đánh giá cán bộ, quy chế tài chính, quy chế kinh doanh, quy chế hành chính, quy tắc văn hóa ứng xử Vinaseed,...), kiểm soát chặt chẽ việc thực thi hệ thống quy chế. Thay đổi trong phương pháp đào tạo, kết hợp đào tạo bên ngoài và nội bộ, giữa lý thuyết và thực hành.
- Công tác quản trị rủi ro: Xây dựng quy chế quản trị rủi ro trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, đặc biệt đã triển khai thực hiện bảo hiểm đối với toàn bộ kho tàng hàng hóa và thiết bị trong công ty. Trong năm 2015, công ty không để xảy ra bất cứ rủi ro gì.

Hoạt động Đầu tư Tài chính:

- + Đã thực hiện kiểm toán xong cả 03 dự án Đầu tư xây dựng cơ bản (Dự án Văn phòng, Dự án Đồng văn, Dự án DTQG), các công trình được đưa vào sử dụng kịp thời, chất lượng công trình đảm bảo.
- + Thực hiện thành công đầu tư M&A các công ty trong ngành trở thành công ty giống có quy mô lớn nhất trong ngành giống cây trồng Việt Nam.

Hoạt động cộng đồng:

Triển khai thành công dự án kinh doanh cùng người thu nhập thấp với sự hỗ trợ của chính phủ Anh, thông qua hoạt động triển khai các dự án quốc tế, trình độ quản trị của đội ngũ cán bộ tham gia dự án của công ty được nâng cao. Đánh giá tác động xã hội của dự án đã tạo ra 319 việc làm mới, góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho trên 220 nghìn người, góp phần thúc đẩy thị trường gạo Japonica tại Việt Nam, mở ra một hướng đi mới đầy triển vọng và nâng cao vị thế của sản phẩm lúa gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Tháng 10/2015, Quỹ tấm lòng nhân ái Vinaseed được thành lập để thực hiện cam kết trong chiến lược phát triển bền vững của công ty, trong đó có trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội do tập thể CBNV trong công ty chung sức đóng góp để thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình. Mặc dù mới đi vào hoạt động được 03 tháng nhưng Quỹ đã có những hoạt động rất thiết thực và có ý nghĩa:

- Hỗ trợ cho 10 trẻ em nghèo học giỏi tại địa bàn tỉnh Hà Nam, tài trợ mỗi em 01 suất học bổng trị giá 1 triệu đồng/tháng, đồng thời Quỹ trang trải toàn bộ chi phí học tập của các em đến khi các em tốt nghiệp ra trường.
- Tham gia hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: mỗi kg vỏ thuốc BVTV thu gom được sẽ được đổi lấy các sản phẩm hạt giống ngô, rau chất lượng cao và các vận dụng cần thiết khác.
- Nhân dịp tết nguyên đán Bính Thân, Quỹ đã Tổ chức phát động chương trình Trao quà tết, tặng xuân vui và đã tổ chức trao tặng hơn 700 suất quà cho bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng giá trị quà trên 350 triệu đồng.



GIỚI THIỆU CÔNG TY CON

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây

Tên tiếng Anh: Ha Tay Seed Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500437239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/11/2010 (thay đổi lần 9)

Địa chỉ: Ba La, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (043) 3 530 655 / Fax: (043) 3 535 421

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2015): 5.688.900.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1996: Công ty Giống cây trồng Hà Tây thành lập theo Quyết định số 997/QĐ/UB ngày 17/12/1996 của UBND tỉnh Hà Tây (hợp nhất Công ty giống cây trồng và dâu tằm tơ).

Năm 2003: Công ty Giống cây trồng Hà Tây cổ phần hóa theo Quyết định số 272/QĐ-UB ngày 11/3/2003 của UBND tỉnh Hà Tây thành Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng,

các loại nông sản và vật tư nông nghiệp (hạt rau, thiết bị máy móc nông nghiệp, vật tư, phân bón)

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại thức ăn chăn nuôi

Kinh doanh máy móc, thiết bị

Dịch vụ thương mại tổng hợp

Lữ hành nội địa

Du lịch sinh thái và các dịch vụ du lịch khác

Dịch vụ kho vận

Các đơn vị thành viên

Trại tằm và giống cây trồng Phù Lưu Tế.

Địa chỉ: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Trại tằm và giống cây trồng Phương Bảng.

Địa chỉ: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tình hình tài chính 2015

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH (%)	TH/CK (%)
Lượng hàng bán	Tấn	1.100	1.003	815	91%	123%
Doanh thu	Trđ	27.000	24.883	25.670	92%	97%
Lợi nhuận gộp	Trđ	8.000	8.206	7.854	102,6%	104,5%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.340	2.628	2.013	112,3%	130,6%
Tổng tài sản	Trđ		14.617	14.415		115%
Vốn chủ sở hữu	Trđ		11.231	9.995		112,4%
Vốn điều lệ	Trđ		100%	5.689,9		100%

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM**Thông tin doanh nghiệp**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC)

Tên tiếng Anh: Quang Nam National Seed Joint Stock Company.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 4000107543 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 8/3/2016.

Địa chỉ: Km 943 Quốc lộ IA- Xã Điện Thắng Bắc- Huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0510.3869455 / **Fax:** 0510.3869253

E-mail: giongquangnam@gmail.com

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2015): 5.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm tỷ đồng).

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2002: Công ty Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam được thành lập theo Quyết định 479/2002/QĐ-UB ngày 21/02/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở đổi tên từ Nông trường Chiên Đàn (Thành lập vào năm 1979) và tiếp nhận Trại thực nghiệm giống Nông nghiệp Bình Trung (trực thuộc Trung tâm thực nghiệm giống nông lâm nghiệp Quảng Nam) và tiếp nhận Trạm giống cây trồng TW Miền Trung (trực

thuộc Công ty giống cây trồng Trung ương).

Năm 2005: công ty Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam cổ phần hóa theo Quyết định 3595/QĐ-UB ngày 26/9/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Ngành nghề kinh doanh

Nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp

Mua bán các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp

Mua bán vật tư nông nghiệp; Đại lý bán buôn bán lẻ hàng hóa

Chế biến nông sản

Các đơn vị thành viên

Xí nghiệp Giống Nông lâm nghiệp Chiên Đàn, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam.

Xí nghiệp Giống Nông Nghiệp Bình Trung, Xã Bình Trung, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.

Tình hình tài chính 2015

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH (%)	TH/CK (%)
Lượng hàng bán	Tấn	2.243	1.514	1.762	67%	86%
Doanh thu	Trđ	35.855	31.319	28.941	87%	108%
Chênh lệch giá	Trđ	10.778	9.145	6.599	85%	139%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	1.539	2.078	1.295	135%	160%
Tổng tài sản	Trđ		15.325	16.331		94%
Vốn chủ sở hữu	Trđ		9.048	6.970		130%
Vốn điều lệ	Trđ		5.000	5.000		100%

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam (SSC)

Tên tiếng Anh: Southern Seed Company Joint Stock Company

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 ngày 24/6/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302634683 ngày 06 tháng 9 năm 2011.

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam

Điện thoại: 84-(8) 3844 24 14 Fax: 84-(8) 3844 23 87

Email: southernseed@ssc.com.vn

Website: <http://www.ssc.com.vn>

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2015): 149.923.670.000 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn chín tỷ chín trăm hai ba triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Quá trình hình thành và phát triển

1976: Công ty được thành lập. Trụ sở văn phòng đặt tại 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

2007: Văn Phòng Đại Diện Công ty ở Cambodia (Phnôm Pênh) được thành lập. Cũng trong năm này Nhà máy Chế biến Giống Cây trồng Hà Nội đặt tại Khu Công Nghiệp Phố Nối A, tỉnh Hưng Yên) thuộc Chi nhánh Hà Nội được xây dựng.

2009: Công ty đầu tư 4,2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 70% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Bắc Nghệ An (tiền thân là Xí nghiệp chế biến hàng xuất khẩu thuộc Công ty Giống Cây trồng Nghệ An đã cổ phần hóa năm 2002).

2010: chuyển đổi Xưởng Cơ khí (CKG) thành Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng miền Nam (SSE)

Ngành nghề kinh doanh

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng nông lâm nghiệp các loại
- Sản xuất Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản, vật tư nông nghiệp
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: Kiểm tra hạt giống, cây giống
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản
- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và phân bón
- Kinh doanh bất động sản

Các đơn vị thành viên

- CTCP Cơ khí giống cây trồng miền Nam (SSE)
- CTCP Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An (Nghệ An Imexco)

Các thông tin khác trên website công ty: www.ssc.com.vn

Tình hình tài chính 2015

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015 GỐC	TH 2015	CK 2014	TH/KH (%)	TH/CK (%)
Lượng hàng bán	Tấn	20,273	15,508	16,221	76%	96%
Doanh thu	Trđ	716,922	507,373	601,962	71%	84%
Chênh lệch giá	Trđ	202,826	148,097	184,393	73%	80%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	101,469	57,686	87,434	57%	66%
Thuế thu nhập DN	Trđ	7,052	14,410	102	204%	14135%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	94,417	45,142	87,485	48%	52%
Tổng tài sản	Trđ	0	497,357	531,355		94%
Vốn chủ sở hữu	Trđ	0	357,174	373,940		96%
Vốn điều lệ	Trđ	0	149,924	149,924		100%







BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hoạt động của Hội đồng Quản trị 58

Báo cáo của Ban Kiểm soát 62

Quản trị rủi ro 64



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tổ chức các phiên họp HĐQT 2015

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	6	100%	
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	6	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	Ủy viên HĐQT	4/6	66.7%	Đi công tác
4	Ông Đỗ Bá Vọng	Ủy viên HĐQT - Phó TGD	6	100%	
5	Ông Trần Đình Long	Ủy viên HĐQT	6	100%	
6	Ông Nguyễn Khắc Hải	Ủy viên HĐQT	6	100%	
7	Ông Phạm Ngọc Lý	Ủy viên HĐQT - Phó TGD, đã từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 4/4/2015	3	50%	4/4/2015 từ nhiệm.
8	Ông Michael Louis Rosen	Ủy viên HĐQT từ 22/4/2015 - 31/12/2015	2	33,3%	Đi công tác

Các phiên họp HĐQT đều có sự tham dự và đóng góp ý kiến của các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc công ty.

1.2. Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 1 lần.

1.3. Các Nghị quyết ban hành: 7 Nghị quyết về các vấn đề chiến lược trong sản xuất, kinh doanh, đầu tư và xây dựng cơ bản thuộc thẩm quyền HĐQT. Các Nghị quyết HĐQT được công bố thông tin công khai, minh bạch theo đúng các quy định về nội dung và thời hạn quy định dưới nhiều hình thức:

- + Gửi báo cáo bản cứng đến UBCK Nhà nước, Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh.
- + Đăng trên phần mềm công bố thông tin của UBCK Nhà nước và Sở GDCK TP Hồ Chí Minh.
- + Công bố trên website công ty.

Các Nghị quyết HĐQT công ty ban hành trong năm 2015 bao gồm:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	111/NQ-CTG-HDQT	12/01/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và Đầu tư XDCB năm 2014 và Kế hoạch năm 2015 để trình ĐHĐCĐ 2015. - Nhất trí đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC). - Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2015. - Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn ngân hàng.
2	114/NQ-CTG-HDQT	22/01/2015	Thông qua Phương án đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).
3	115/NQ-CTG-HDQT	03/4/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD và đầu tư XDCB Quý I/2015, Kế hoạch Quý II và 6 tháng đầu năm 2015. - Thông qua nội dung, chương trình và các Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2015. - Thông qua việc chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Phạm Ngọc Lý vì lý do cá nhân và bổ nhiệm ông Michael Louis Rosen từ ngày 04/04/2015. - Đơn từ nhiệm thành viên BKS của ông Cao Duy Hà vì lý do cá nhân.
4	122/NQ-CTG-HDQT	13/7/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và đầu tư, XDCB Quý II và 6TDN 2015; Kế hoạch Quý III và 6 tháng cuối năm 2015. - Thông qua Tờ trình 121/TTr-CTG-HDQT ngày 13/7/2015 về việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt. - Giao cho Tổng giám đốc xây dựng Phương án chi thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết 118/NQ-CTG-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2015 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
5	130/NQ-CTG-HDQT	23/10/2015	<p>Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng cơ bản Quý III và 9 tháng đầu năm 2015; kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung khác.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
6	133/NQ-CTG-HĐQT	05/11/2015	Nhất trí việc công ty cổ phần Tập đoàn PAN thực hiện chào mua công khai cổ phiếu NSC theo nội dung bản đăng ký chào mua công khai ngày 28/10/2015 với mục đích nâng tỷ lệ sở hữu và đầu tư lâu dài.
7	136/NQ-CTG-HĐQT	16/11/2015	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt (tỷ lệ thực hiện 10% tương đương 1.000 đ/CP).

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT. Năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp, 1 lần lấy ý kiến bằng văn bản đã ban hành 07 Nghị quyết về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc công ty. Các Nghị quyết HĐQT và các thông tin liên quan được công bố công khai, minh bạch (gửi UBCK, Sở GDCK TP.HCM, đăng tải trên website công ty) theo đúng quy định công bố thông tin của UBCK và Quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng Quý đối với Bộ máy điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động nội bộ công ty, cung cấp thông tin minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan.

Qua hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT và BKS công ty đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2015 như sau:

- Ban Tổng giám đốc đã thực thi nhiệm vụ theo đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị theo Quy chế quản trị nội bộ công ty, thực hiện đầy đủ các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
 - Ban Tổng giám đốc công ty đã điều hành Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đề ra. Năm 2015, kinh doanh đạt kết quả tốt, duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ.
 - Các hoạt động đầu tư tài chính, xây dựng cơ bản được thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các quy định pháp luật. Các công trình được đưa vào sử dụng kịp thời, chất lượng công trình đảm bảo.
- Về hoạt động đầu tư: đã nâng tỷ lệ sở hữu tại SSC lên 61,4% theo đúng tiến độ và quy định của pháp luật.
- Công tác quản lý tài chính thực hiện tốt, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và không có nợ xấu. Các báo cáo tài chính năm 2014 và báo cáo tài chính quý, bán niên trong năm 2015 đã được lập đúng tiến độ, đầy đủ, chính xác theo các chuẩn mực kế toán.
 - Đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 theo đúng quy định pháp luật.
 - Kỷ cương công ty được duy trì và không ngừng được nâng cao, công tác quản lý, điều hành thực hiện chuyên nghiệp, minh bạch. Hệ thống quy chế quản lý đồng bộ, hoạt động đúng định hướng chiến lược phát triển của Công ty. Bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng.
 - Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng cơ bản của công ty. Các báo cáo đầy đủ, chi tiết, chính xác và cung cấp thông tin kịp thời cho HĐQT và BKS. Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin.
 - Uy tín, vị thế công ty ngày càng được nâng cao.

Hoạt động của các tiểu ban Thuộc HĐQT**1. Tiểu ban Quản trị và Nhân sự:**

- Tham gia, hỗ trợ công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
- Tham gia xây dựng phương án tái cấu trúc công ty con.
- Tư vấn pháp lý trong các hoạt động đầu tư tài chính, công bố thông tin.

2. Tiểu ban Đầu tư:

- Tham gia xây dựng phương án đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại SSC.
- Tham gia xây dựng phương án tái cấu trúc công ty con.
- Giám sát, hỗ trợ quá trình triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản Giống cây trồng TW Đồng Văn.

3. Tiểu ban Khoa học kỹ thuật:

- Hỗ trợ tư vấn đầu tư mua sắm thiết bị và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nghiên cứu của công ty.
- Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ cho nghiên cứu và phát triển của công ty.

SỐ LIỆU CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT VÀ BKS NĂM 2015 (ĐẾN NGÀY 31/12/2015) NHƯ SAU:

Đơn vị tính VND

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	SỐ QUYẾT TOÁN	ĐÃ CHI	CÒN LẠI
Thù lao Hội đồng quản trị	840.000.000	840.000.000	420.000.000	420.000.000
Thù lao Ban Kiểm Soát	150.000.000	150.000.000	75.000.000	75.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

KÍNH THƯA: QUÝ CỔ ĐÔNG

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Điều lệ công ty cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của ban kiểm soát.
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 của Công ty

Ban kiểm soát xin trình trước đại hội cổ đông về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động, tình hình thực hiện quy chế của công ty trong năm 2015 như sau:

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:

Đánh giá việc thực hiện kế hoạch đối với doanh thu, lợi nhuận, EPS trong năm 2015 như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2015 - Công ty mẹ:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH	TH/CK
1	Doanh thu	Trđ	780,000	772,941	674,697	99.1%	114.6%
2	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	150,000	156,504	121,334	104.3%	129.0%
3	EPS	Đồng/cp	10,000	10,232	7,933	102.3%	129.0%

Kết quả kinh doanh năm 2015 - Hợp nhất:

NỘI DUNG	ĐVT	KH 2015	TH 2015	CK 2014	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	1,200,000	1,248,623	712,909	104.1%	175.1%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	170,000	157,108	124,028	92.4%	126.7%
Cổ tức bằng tiền mặt	%	30%	30%	30%	100.0%	100.0%
EPS	Đồng/cp	11,100	9,261	8,293	83.4%	111.7%

- Công ty mẹ (NSC) cơ bản đã hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch ĐHCĐ 2015, doanh thu tăng gần 15% so với cùng kỳ. Tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2015 đạt 104,3%, tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2014: 29%.

- Kết quả kinh doanh của NSC hợp nhất đã không đạt kế hoạch, do ảnh hưởng của kết quả kinh doanh từ Công ty con (SSC). Việc hợp nhất SSC đã không làm tăng thêm lợi nhuận sau thuế hợp nhất như Kế hoạch. Tổng hợp mức độ tác động, kết quả thực tế của hợp nhất đã hụt đi gần 46 tỷ đồng so với dự kiến, trong đó gồm 30 tỷ lợi nhuận sau thuế và gần 16 tỷ đồng do đánh giá lại tài sản công ty con theo nguyên tắc hạch toán kế toán khi tiến hành hợp nhất.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các khoản chi phí, khoản trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản thu khó đòi theo đúng Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy chế quản lý của công ty đã ban hành
- Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về việc công bố thông tin, kiểm toán và thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính theo đúng quy định của luật chứng khoán và công ty niêm yết.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHCĐ VÀ HĐQT:

- Cơ bản đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ và HĐQT đề ra cho năm 2015, trừ các một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh hợp nhất do tác động không tích cực từ Công ty con (SSC).
- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị đã được triển khai theo tiến độ và dự toán Ngân sách do ĐHCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt, tổng giá trị gần 262 tỷ đồng, trong đó bao gồm gần 93 tỷ đồng cho xây dựng cơ bản (Phần giải ngân trong năm 2015 cho Dự án Nhà máy chế biến hạt giống Đồng Vãn) và 168 tỷ đồng cho việc tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty cùng ngành giống. Cụ thể, tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC) từ 40,16% lên 61,49%, tại Công ty CP Giống cây trồng NLN Quảng Nam (QSC- nay là Công ty CP Giống cây trồng TW Quảng Nam) từ 84,17% lên 90,02%, tại công ty Giống cây trồng Thái Bình từ 6.24% lên 10.03%.

4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG TY TẠI CÁC ĐƠN VỊ:

- Các đơn vị, chi nhánh, và văn phòng Công ty đã thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy chế, quy trình của Công ty ban hành về sản xuất, chế biến, bán hàng, vận chuyển và các hoạt động khác .

III- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Trong năm 2015, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch các mục tiêu chính do Đại hội cổ đông thường niên đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng tốt trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty. HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của luật doanh nghiệp, quy chế công ty và nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra.
- Ban kiểm soát đề nghị Lãnh đạo Công ty sớm hợp nhất về hoạt động kinh doanh của Công ty con (SSC) vào Công ty mẹ để thống nhất về cơ chế quản trị, phối hợp hiệu quả tại các địa bàn kinh doanh hiện đang có cả hai công ty hoạt động, để cải thiện kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Công ty.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Khánh Quỳnh



QUẢN TRỊ RỦI RO



Trước những biến động của thị trường với nhiều rủi ro tiềm ẩn, Vinaseed chú trọng việc phòng ngừa, ngăn chặn những nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh. Vinaseed luôn thực hiện nghiêm túc, thường xuyên và có hệ thống các quy định của pháp luật, quy chế của Công ty, đảm bảo tính tuân thủ, trung thực và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, cải tiến quy trình làm việc và nâng cao hiệu quả điều hành của công ty. Vinaseed cũng chủ động có những biện pháp xác định và xử lý các yếu tố rủi ro có thể xảy ra.

Các loại rủi ro được công ty đánh giá và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa bao gồm:

RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro có nguyên nhân chính phát sinh từ việc các đối tác của Vinaseed không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định.

Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã lập danh sách phân nhóm cho đối tượng khách hàng. Đối với những nhóm khách hàng có sự tin tưởng kém, Công ty áp dụng chính sách ký quỹ, thanh toán 100% tiền hàng trước khi giao hàng, bổ sung nhận tài sản đảm bảo (như sổ đỏ, giấy tờ có giá trị khác,...)

Ngoài ra, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng đến các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn. Vinaseed đã chủ động phòng ngừa đối với các hoạt động tiền gửi có kỳ hạn thông qua việc chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng có uy tín được xếp hạng tín dụng tốt như: Vietinbank, MB.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán với khách hàng.

Với Vinaseed, đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ thấp do Công ty luôn có kế hoạch quản trị nguồn vốn hiệu quả. Từ năm 2004 đến nay, Công ty chưa xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động gây tổn thất do sự thiếu hụt hoặc vận hành không đúng các quy trình hệ thống của Công ty cũng như tổn thất do các sự kiện khách quan bên ngoài tác động.

Với hệ thống 14 xí nghiệp, chi nhánh và công ty liên kết trải dài khắp từ Bắc vào Nam, rủi ro hoạt động luôn hiện hữu trong tất cả các hoạt động và giao dịch của Vinaseed. Các rủi ro về hoạt động chủ yếu bao gồm: Rủi ro Pháp chế và tuân thủ; Rủi ro Quản trị nguồn nhân lực, Rủi ro Vận hành, Rủi ro Hệ thống và bảo mật thông tin. Rủi ro Pháp chế và tuân thủ có nguyên nhân chủ yếu là do Công ty không tuân thủ theo các quy định của pháp luật, rủi ro pháp lý, rủi ro về hợp đồng, rủi ro liên quan đến tranh chấp.

Rủi ro quản trị nguồn nhân lực xảy ra khi doanh nghiệp thiếu hụt nguồn lao động chủ chốt, hoặc nhân sự có kỹ năng làm việc không phù hợp.

Rủi ro vận hành xảy ra khi có sai sót trong quy trình làm việc, nhân viên thực hiện vượt quyền, sai quy chế, gian lận nội bộ, gian lận trộm cắp bên ngoài, hoặc do quản lý không hiệu quả của bên thứ ba.

Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin xảy ra khi doanh nghiệp mất hoặc rò rỉ thông tin, sai lệch hoặc mất dữ liệu hệ thống, hoặc hệ thống quản trị thông tin không phù hợp.

Ban Kiểm soát nội bộ công ty với thành phần gồm một Phó tổng cùng bốn thành viên có nhiệm vụ định kỳ, đột xuất kiểm tra các hoạt động của toàn công ty và các đơn vị thành viên. Với mục tiêu giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động, Vinaseed đã liên tục xây dựng và cập nhật mô tả công việc nhiệm vụ, quy trình của từng vị trí làm việc trong công ty.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NSC chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế có liên quan và các quy định, nghị định pháp luật khác của Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình phát triển, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện, chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy chưa từng xảy ra trong Công ty nhưng với Vinaseed, việc phòng ngừa rủi ro pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu. Công ty có Ban pháp chế hoạt động với mục đích rà soát, cập nhật liên tục toàn bộ văn bản pháp luật liên quan nhằm chủ động trong mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi NSC mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do sự tác động của các yếu tố bên ngoài hoặc do sản phẩm, chính sách của công ty không đủ cạnh tranh.

Trên thực tế, mặc dù là đầu vào quan trọng cho ngành nông nghiệp trong nước, lĩnh vực giống cây trồng ở nước ta chỉ mới phát triển trong vòng 20 năm trở lại đây do xu hướng của người nông dân đã chuyển sang lựa chọn mua các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng và tính chống chịu tốt thay vì việc giữ giống của mùa vụ trước để tiết kiệm chi phí.

Tuy nhiên, ngành giống cây trồng của Việt Nam hiện tại có quy mô nhỏ, thị trường khá phân tán và manh mún với hơn 260 doanh nghiệp hoạt động tại các địa phương trên cả nước, trong đó chỉ 5 doanh nghiệp lớn là Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương, Tổng Công ty Giống Cây trồng Thái Bình, Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty TNHH 1 thành viên SD Giống Cây trồng An Giang trực tiếp đầu tư nghiên cứu và cung ứng giống (chi phối khoảng 30% thị phần giống cây trồng của cả nước). Các doanh nghiệp còn lại chủ yếu là các công ty thương mại, nhập khẩu giống đáp ứng cho nhu cầu ngắn hạn của từng địa phương. Điều này dẫn đến một thực tế là hiện nay giống trong nước phải cạnh tranh với giống nhập khẩu, mỗi địa phương lại có 1 bộ giống riêng, chưa có giống chủ lực của từng vùng khiến chất lượng nông sản không đồng đều, khó cạnh tranh, giá bán thấp...

Để đối phó với rủi ro này, Vinaseed liên tục khảo sát, đánh giá phân tích nhu cầu thị trường, tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ các bộ giống chất lượng ngắn ngày có năng

suất cao, chống chịu sâu bệnh như RVT, HN88,... đã được thị trường tiếp nhận tích cực và đánh giá cao. Ngoài ra, Vinaseed liên tục đưa ra các biện pháp chiết khấu, cử cán bộ đào tạo hướng dẫn kỹ thuật miễn phí cho người dân nhằm nâng cao hiệu quả cho người nông dân.

Rủi ro về thời tiết

Thời tiết được đánh giá là rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty cũng như đến việc gieo trồng của nông dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed.

Việc sản xuất hàng hóa tập trung chủ yếu tại Tây nguyên và miền Trung, nơi có điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mua bảo hiểm hán xảy ra thường xuyên đã ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng và chất lượng sản phẩm của Vinaseed.

Để đối phó với rủi ro này, chúng tôi đã chủ động mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau nhằm đảm bảo lượng hàng cung ứng cho thị trường. Đồng thời, Vinaseed cũng đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp xảy ra thiên tai. Vinaseed cũng áp dụng nghiên cứu phát triển các sản phẩm chống chịu rét, hạn hán, kháng sâu bệnh tại các vùng sinh thái khác nhau.

Rủi ro về diện tích đất nông nghiệp

Đất đai là nguồn lực quan trọng đối với quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong quá trình đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam rất manh mún và phân tán do những đặc thù về điều kiện địa hình, mật độ dân số, cách phân bổ đất đai, yếu tố văn hóa và lịch sử. Trung bình một hộ dân có 5 -7 mảnh đất khác nhau, tổng khoảng cách từ nơi ở đến ruộng của các hộ dân là khoảng 4,7km (*Báo cáo điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình -Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn 2010*).

Bên cạnh đó, diện tích đất nông nghiệp Việt Nam đang dần mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Tại hội thảo Quy hoạch sử dụng đất đai và việc xây dựng chiến lược quản lý tài nguyên đất đai dài hạn cho Việt Nam ngày 01/10/2013, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam cũng cho rằng, với tốc độ đô thị hóa như hiện nay, diện tích đất nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp. Dự báo đến 2015, Việt Nam có tổng cộng 870 đô thị, đến 2025 có khoảng 1.000 đô thị, tương đương với nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị lần lượt là 335.000 ha và 400.000 ha. Ngoài ra, dự báo đến năm 2100, nếu nước biển dâng 75cm thì diện tích bị ngập ở đồng bằng

sông Cửu Long là 18,8%, tương đương 758.000 ha.

Những yếu tố trên đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và ngành giống cây trồng nói riêng.

Đối phó với rủi ro này, Công ty đã có những biện pháp hợp tác với các cấp chính quyền địa phương chủ động cơ cấu lại diện tích giống cây trồng, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng hợp tác với các công ty lương thực xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo giúp người dân tìm đầu ra cho sản phẩm của mình.

Rủi ro về hoạt động đầu tư

Để hạn chế rủi ro về hoạt động đầu tư Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư trực thuộc HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty. Ngoài ra, Công ty còn luôn tổ chức đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu mở rộng của Công ty.

Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo diễn ra trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng nếu có sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 70 *Tổng quan Phát triển Bền vững*
- 72 *Chiến lược và Các phương thức quan trọng đảm bảo phát triển bền vững*
- 72 *Hoạt động nâng cao hiệu quả Kinh tế bền vững*
- 74 *Hoạt động Bảo vệ Môi trường*
- 75 *Đóng góp cho điều cốt lõi của xã hội: Con người*
- 76 *Trách nhiệm Xã hội trong văn hóa doanh nghiệp*



Hạt giống cho
cuộc sống,
hạt giống cho
tâm hồn



TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Như nguồn gió mát lành mang hạt giống bay xa hình thành sự sống chân trời mới, cũng nhờ gió mà hương thơm lan xa mang điều tươi đẹp đến cho cuộc đời, chiến lược phát triển bền vững của Vinaseed được ví như mạch sống có khả năng lan toả năng lượng vô hạn này. Thấm nhuần trong từng hoạt động của doanh nghiệp, từng sản phẩm từ nguồn gốc tự nhiên mang thương hiệu và tâm huyết con người Vinaseed, chiến lược phát triển bền vững được hiện thực hoá bằng những hành động thiết thực có tính lan toả điều tốt đẹp và tồn tại lâu dài, tiêu biểu trong đó là trọng tâm hướng tới giá trị sống của xã hội qua những sản phẩm lành mạnh hữu hình và sức mạnh của tri thức cho thế hệ viết tiếp tương lai.



Là một trong số những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu trên toàn cầu, Việt Nam đang phải hứng chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề do con người gây ra, bao gồm các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, bão lũ; tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn, cũng như sự bất thường của lượng mưa và các hình thái thời tiết khác.

Mặc dù Việt Nam đã có những tiến bộ vượt bậc trong việc phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo trong hai thập niên vừa qua, song thành tựu đó đang bị đe dọa trong những năm gần đây do biến đổi khí hậu và có nguy cơ bị đảo ngược nếu kịch bản xấu nhất xảy ra.

Theo tính toán, nếu biến đổi khí hậu không được giảm thiểu một cách hiệu quả, thì đến cuối thế kỷ 21 này, Việt Nam sẽ mất đi ít nhất 12.2% diện tích đất, hiện đang là nơi cư trú của 23% dân số, và thậm chí là mất đi một con số lớn hơn diện tích đất màu mỡ bao gồm một nửa khu vực châu thổ trũng thấp, cũng chính là một trong những vựa lúa quan trọng nhất của thế giới do lũ lụt và xâm thực mặn.

Với sứ mệnh gắn bó cùng chặng đường hội nhập và phát triển của người Nông dân Việt Nam hướng đến nền Kinh tế thị trường, hòa cùng dòng chảy Thế giới, Công ty nhận định tầm quan trọng của Khoa học và tri thức đóng vai trò quyết định sức cạnh tranh của các sản phẩm Nông sản Việt Nam, cũng như giải quyết những thách thức do biến đổi khí hậu đặt ra. Do đó, chúng tôi không ngừng nỗ lực nghiên cứu nhằm tìm ra các giải pháp nhằm chung tay giải quyết những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu như suy giảm diện tích đất trồng, giảm năng suất, mất mùa do yếu tố thời tiết diễn biến bất thuận.

Báo cáo phát triển bền vững của Vinaseed được thực hiện trên căn cứ trên Bộ tiêu chí của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) và hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của IFC nhằm đề cập đầy đủ tác động của mô hình phát triển bền vững, đó là gắn kết tăng trưởng Kinh tế - Xã hội - Môi trường và gắn kết các bên hữu quan.

Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, cụ thể như sau:

Chiến lược và Các phương thức quan trọng đảm bảo phát triển bền vững

Phát triển bền vững được lồng ghép vào các tiêu chuẩn, qui trình, kiểm soát và quản lý của Công ty.

Tiêu chuẩn: Tất cả các chi nhánh, phòng ban, dự án thuộc quyền kiểm soát của Vinaseed phải áp dụng Các Nguyên tắc Hoạt động chung, Qui tắc Hành nghề và các Tiêu chuẩn Sức khỏe, An toàn, An ninh và Môi trường.

Qui trình: Vinaseed xem xét các yếu tố môi trường, xã hội trước khi đưa ra các quyết định đầu tư và khi lập kế hoạch cho các dự án mới. Phát triển bền vững là tiêu chí đóng vai trò then chốt khi Vinaseed áp dụng để xác định các khoản khen thưởng.

Quản trị: Để đảm bảo được các hiệu quả của hoạt động phát triển bền vững thực tế đúng như kế hoạch, bên cạnh trách nhiệm quản lý và định hướng của Ban Giám đốc, Vinaseed còn có sự chung tay của tất cả từng thành viên trong tập thể Vinaseed.

Hoạt động nâng cao hiệu quả Kinh tế bền vững

Trong suốt những năm qua, Công ty luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận ở mức cao và ổn định ở mức 25-30%/năm, duy trì đều đặn mức chi trả cổ tức bình quân 30% bằng tiền mặt, chủ động công bố và minh bạch các thông tin để đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông.

Với kết quả tăng trưởng ổn định cùng chiến lược đầu tư phát triển và quản lý hiệu quả, Công ty đã liên tục nhận được sự công nhận của Chính phủ và Cộng đồng Doanh nghiệp trong nước cũng như Quốc tế, với các giải thưởng ghi nhận những nỗ lực và đóng góp của Vinaseed, trong đó có Giải thưởng TOP 50 Vietnam Best Growth Companies - Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam giai đoạn

2009 - 2014. Xếp hạng 14 trong TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam giai đoạn 2010 - 2013, 2014, Top 50 Doanh nghiệp Niêm yết tốt nhất Việt Nam. Đặc biệt hơn trong năm 2015, Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì do có thành tích xuất sắc trong giai đoạn 2010-2014.

Không chỉ ghi nhận những kết quả tăng trưởng bền vững trong hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty, là một Công ty chuyên cung cấp các giải pháp Công nghệ cao ứng dụng trong Nông nghiệp, Vinaseed tự hào đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội, đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia, nâng cao đời sống của người Nông dân Việt Nam:

- ▶ Phát triển vùng nguyên liệu nằm trong định hướng chiến lược phát triển bền vững của công ty, trong năm 2015, Công ty đã quy hoạch được các vùng sinh thái sản xuất ổn định, tập trung, đặc biệt phát triển vùng sản xuất quy mô lớn tại ĐBSCL đã góp phần đáp ứng nhu cầu giống và lúa thương phẩm phục vụ kinh doanh.
- ▶ Cung cấp trên 1 triệu ha giống cây trồng có chất lượng tốt, có khả năng chống chịu với sâu bệnh và biến đổi khí hậu giúp nông dân nâng cao hiệu quả trồng trọt, có điều kiện cải thiện đời sống.
- ▶ Xây dựng đội ngũ chuyên gia công nghệ trong ngành giống và hình thành những làng nghề công nghệ cao trong nông thôn, góp phần thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp và nâng cao dân trí, tạo việc làm cho trên hai vạn hộ nông dân và giúp thực hiện công cuộc xây dựng nông thôn mới.
- ▶ Xây dựng quan hệ bền vững với các nhà đầu tư, tối đa hóa giá trị Công ty bằng những hoạt động kinh tế hợp lý: Công ty luôn đặt lợi ích của cổ đông là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng đều đặn 20% về doanh thu và lợi nhuận qua các năm; Duy trì đều đặn việc chi trả cổ tức 30% bằng tiền mặt; Chủ động công bố và minh bạch thông tin qua các phương tiện truyền thông.



Hoạt động Bảo vệ Môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp, Vinaseed luôn nhận thức được rõ ràng những tác động của môi trường đến cuộc sống của Con người và hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Trong mọi hoạt động Kinh doanh cũng như xã hội, Vinaseed đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh, với những tiêu chuẩn khắt khe về quản lý hoạt động sản xuất, tiết kiệm tối đa các nhiên liệu sạch, vật liệu tái chế trong bảo quản, chế biến và đóng gói hàng hóa.

Vinaseed nỗ lực và đã có những thành công trong định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc

nghiệt. Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững sử dụng ít phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng.

Xác định được rõ trách nhiệm xã hội Kinh doanh và nghiên cứu của Công ty đến đời sống, Vinaseed luôn luôn nỗ lực hết sức, với mong muốn phát triển các dòng sản phẩm xanh, có sức chống chịu sâu bệnh và khả năng thích nghi cao với diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu. Đồng thời, Công ty luôn đặt mục tiêu nâng cao năng suất giống cây trồng, đóng góp vào quá trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, xây dựng nền Nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, thay đổi thói quen sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hay các chất kích thích sự phát triển gây hại đến sức khỏe của người tiêu dùng.



Đóng góp cho điều cốt lõi của xã hội: CON NGƯỜI

Vinaseed đã tích cực tham gia và vận động cán bộ nhân viên hưởng ứng các hoạt động từ thiện như xây nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình nghèo; Vinaseed đã hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh 200 triệu đồng từ nguồn đóng góp của cán bộ công nhân viên hỗ trợ đồng bào miền Trung vượt khó khăn, phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ tặng 10 triệu đồng cho các gia đình thuộc diện đặc biệt khó khăn của huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh. Vinaseed đã tổ chức quyên góp quần áo, sách vở và các vật phẩm thiết yếu cho cuộc sống với giá trị trên 100 triệu đồng

giúp đỡ, khuyến khích các em học sinh tại Trường dân tộc nội trú tỉnh Lào Cai, Tổ chức chương trình áo ấm cho em với các trẻ em học sinh nghèo tỉnh Cao Bằng,...

Hỗ trợ các hộ nghèo, tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ: Vinaseed cũng đã tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Quảng Nam, Tây Ninh xây 6 ngôi nhà giúp đỡ các gia đình liệt sỹ, các hộ nghèo tại tỉnh với giá trị trên 350 triệu đồng.

Tham gia cùng chính quyền địa phương thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo như chương trình phát triển nông thôn mới, chương trình xóa đói giảm nghèo cho các tỉnh miền núi phía Bắc, các hộ dân nghèo được công ty giải quyết cho cấp tín dụng sản xuất không lấy lãi và đặc biệt chương trình bảo hiểm sản xuất đối với sản xuất hạt lai đã giúp hạn chế rủi ro và nông dân nhiều tỉnh có cơ hội tiếp cận với khoa học tiên tiến. Đóng góp tiền lương hỗ trợ đồng bào lũ lụt; Tham gia các

chương trình khác cùng mặt trận Tổ Quốc các tỉnh Hà Tĩnh, Lào Cai, Quảng Nam, Tây Ninh như xây nhà tình nghĩa, tặng áo ấm, ...

Thông qua các hình thức liên kết sản xuất giống cho công ty, người nông dân được đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí từ đó chủ động trong sản xuất, có việc làm ổn định và tăng thu nhập, thay đổi cách thức sản xuất tự cung tự cấp quy mô nhỏ sang tổ chức hàng hóa, quy mô lớn, xây dựng nên các làng nghề công nghệ.

Điều khác biệt trong chiến lược phát triển bền vững của Vinaseed, bên cạnh các hoạt động thiện nguyện và trao tặng những sản phẩm hữu hình, Vinaseed mong muốn song hành và gắn bó cùng người Nông dân trong cuộc sống, bằng việc trao tặng cho họ nguồn tri thức và khoa học - công cụ và nguồn sức mạnh lớn nhất trong kỷ nguyên mở cửa hội nhập.

Với tầm nhìn phát triển trung tâm nghiên cứu ứng dụng và CGCN Giống cây trồng TW Ba Vì và Khoái Châu trở thành Viện nghiên cứu, bên cạnh các hoạt động nghiên cứu và phát triển giống, Viện sẽ cung cấp các hoạt động đào tạo kiến thức liên quan đến Công nghệ Sinh học, ứng dụng Công nghệ Sinh học trong sản xuất Nông nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn của lao động trong lĩnh vực Nông nghiệp, tạo cơ hội cho lực lượng lao động tiếp cận với những cơ hội nghề nghiệp tốt hơn. Từ đó nguồn nhân lực trong ngành có cuộc sống mới tốt đẹp, tươi sáng hơn, xuất phát từ việc cải thiện hiểu biết và củng cố tri thức đến phát triển tư duy bền vững.

Trách nhiệm xã hội thấm nhuần trong Văn hóa Doanh nghiệp

Điều khiến chúng tôi luôn tự hào trong suốt hành trình đổi mới và phát triển, là một nền văn hóa doanh nghiệp gắn kết để thành công. Mọi thứ chúng tôi cùng các nhà khoa học có và đang làm tại Vinaseed được vun đắp bởi niềm tin vào một tương lai tốt đẹp và niềm say mê cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất trên thị trường.

Dù kinh doanh ở bất kỳ vùng miền nào, chúng tôi cũng luôn quan tâm đến trách nhiệm với cộng đồng sinh sống, trách nhiệm xây dựng xã hội tươi đẹp và phồn thịnh. Với tư cách của một Công ty Kinh doanh Giống cây trồng, Vinaseed không chỉ góp phần nuôi dưỡng hạt mầm Nông nghiệp mà còn ươm mầm giá trị sống trong mỗi con người, bắt đầu từ chính những hạt giống trong tập thể Vinaseed, với việc khuyến khích nỗ lực trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn. Bên cạnh đó, Cán bộ Công nhân viên Vinaseed luôn không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức và phong cách chuyên nghiệp, chân thành trong công việc, xây dựng văn hóa Vinaseed tận tâm trong Kinh doanh - nhiệt huyết trong cuộc sống, nhân ái với cộng đồng, đề cao tinh thần trách nhiệm trong mỗi hành động & quyết định, để mỗi thành viên trong gia đình Vinaseed khi bước ra xã hội sẽ như làn gió lưu hương, góp phần làm lan tỏa thái độ tích cực, hướng thiện trong cuộc sống.

Hơn thế nữa, không chỉ dừng lại ở việc nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân thuộc tập thể đội ngũ cán bộ Vinaseed, chúng tôi xác định việc phát triển tiềm năng con người là trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Vinaseed. Trong đó, các hoạt động đào tạo chiến lược chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các



hoạt động nghiên cứu và sản xuất của công ty, cập nhật những nguồn tri thức mới cho các mắt xích và các bên hữu quan trong chuỗi cung ứng của Vinaseed, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện thu nhập và chất lượng cuộc sống người Nông dân. Đồng thời, trong tương lai, Vinaseed sẽ chú trọng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông và tuyên truyền nhằm tăng cường hiểu biết của xã hội về các lĩnh vực như ý thức bảo vệ môi trường, công nghệ và giải pháp phát triển bền vững trong Nông nghiệp, từ đó truyền cảm hứng và nhóm lên ngọn lửa ý thức trách nhiệm xã hội trong mỗi con người.

“ Vì sự nghiệp mười năm trồng cây - Vì sự nghiệp trăm năm trồng người”

Mỗi con người sống trong một tập thể đều trực tiếp quyết định sự hưng thịnh của xã hội đó, cũng như gián tiếp tác động đến tiềm năng phát triển của cộng đồng đó trong các thế hệ kế cận. Do đó, tầm nhìn của chúng tôi định vị việc phát triển tiềm năng con người chính là yếu tố tiên quyết và quan trọng nhất trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bằng việc xây dựng những giá trị cao đẹp mang tính vượt thời gian, nâng cao nhận thức và hiểu biết của xã hội, từ đó truyền cảm hứng và nâng cao nhận thức về ý nghĩa và vai trò của tư duy phát triển bền vững đến những hạt giống tiếp theo - những người sẽ kế tục sự phát triển của xã hội Việt Nam trong tương lai. Đó chính là giấc mơ phát triển bền vững của Vinaseed - được trở thành làn gió tươi mát, truyền lửa, gieo những hạt mầm tốt tươi trong mỗi người, cho hôm nay và cho muôn đời sau.

Với quyết tâm xây dựng một công ty trường tồn hàng trăm năm tuổi, chúng tôi luôn nỗ lực hàng ngày tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo, trách nhiệm, tăng cường sự gắn kết của mỗi nhân viên đối với công ty, đối với những giá trị ý nghĩa mang lại cho cộng đồng, nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng, cho mỗi thành viên trong GIA ĐÌNH VINASEED.







BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015

- 80 *Thông tin về công ty*
- 85 *Bảng cân đối kế toán hợp nhất*
- 82 *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*
- 89 *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất*
- 92 *Thuyết minh báo cáo tài chính*

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung và Tây Nguyên	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	-Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016 -Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Lý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Kim Liên

Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1067-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 201

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM (TRÌNH BÀY LẠI)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		824.451.227.708	470.989.107.352
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	68.677.496.884	99.023.212.818
111	1. Tiền		61.477.496.884	78.423.212.818
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.200.000.000	20.600.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.439.993.900	2.386.660.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.944.000.000	3.944.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.504.006.100)	(1.557.339.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		322.675.824.354	143.065.577.645
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	z	113.501.026.773
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	15.443.261.834	13.306.510.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		200.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	31.271.791.017	20.029.395.833
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(4.700.561.527)	(3.771.355.051)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		44.031.126	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	421.582.083.846	224.677.968.327
141	1. Hàng tồn kho		436.293.689.579	228.349.336.304
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.711.605.733)	(3.671.367.977)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.075.828.724	1.835.687.862
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.266.777.645	1.828.287.862
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	3.540.968.136	7.400.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	18	268.082.943	-



MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM (TRÌNH BÀY LẠI)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		733.237.865.999	482.018.725.808
220	I. Tài sản cố định		459.469.789.619	57.674.083.803
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	243.947.201.429	51.650.313.468
222	Nguyên giá		368.902.286.257	103.135.721.404
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(124.955.084.828)	(51.485.407.936)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	215.522.588.190	6.023.770.335
228	Nguyên giá		227.714.541.187	10.978.387.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.191.952.997)	(4.954.616.665)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		14.258.332.636	26.820.163.405
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	14.258.332.636	26.820.163.405
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	15	13.333.640.000	379.712.637.822
252	1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	371.414.557.822
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.333.640.000	8.298.080.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		246.176.103.744	17.811.840.778
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.339.663.924	107.276.119
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	3.676.249.636	-
269	Lợi thế thương mại	16	230.160.190.184	17.704.564.659
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.557.689.093.707	953.007.833.160

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM (TRÌNH BÀY LẠI)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		555.038.275.228	202.336.568.425
310	I. Nợ ngắn hạn		461.746.815.948	202.297.816.425
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	110.387.430.055	90.499.209.984
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	33.006.609.796	17.569.562.855
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	6.990.818.770	2.980.775.433
314	4. Phải trả người lao động		39.746.623.994	31.557.582.847
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	5.857.656.472	649.463.428
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		69.739.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	19.953.032.874	15.992.893.341
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	217.236.158.460	25.424.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	28.498.746.527	17.624.328.537
330	II. Nợ dài hạn		93.291.459.280	38.752.000
337	Phải trả dài hạn khác		1.296.541.095	38.752.000
338	Vay và nợ dài hạn	21	57.888.237.200	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	34.106.680.985	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.002.650.818.479	750.671.264.735
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	1.002.650.818.479	750.671.264.735
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	23.1	152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.1	(20.000.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	197.714.342.649	140.933.342.530
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	123.365.732.124	119.816.800.045
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.655.850.566)	(2.463.796.397)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		126.021.582.690	122.280.596.442
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	197.395.215.856	5.725.594.310
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.557.689.093.707	953.007.833.160

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.363.108.587.364	760.158.909.521
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(114.485.723.976)	(47.250.379.854)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	26.1	1.248.622.863.388	712.908.529.667
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(793.511.180.555)	(466.246.228.152)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		455.111.682.833	246.662.301.515
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	5.669.603.794	5.245.912.569
22	7. Chi phí tài chính	28	(30.302.280.080)	(3.646.380.792)
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>(8.549.203.181)</i>	<i>(638.436.191)</i>
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	15.1	4.049.884.036	6.093.545.936
25	9. Chi phí bán hàng	29	(123.865.568.497)	(61.246.676.378)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(142.100.088.577)	(67.871.388.281)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		168.563.233.509	125.237.314.569
31	12. Thu nhập khác		12.904.738.400	1.659.912.274
32	13. Chi phí khác		(3.062.065.758)	(692.500.357)
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		9.842.672.642	967.411.917
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [14 = 30 + 40]		178.405.906.151	126.204.726.486
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(23.419.262.750)	(2.176.296.985)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	2.121.806.242	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 + 52]		157.108.449.643	124.028.429.501
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		141.629.960.690	122.758.068.442
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	15.478.488.953	1.270.361.059
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	9.261	8.293
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	9.261	8.293

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.165.377.002.753	723.115.089.052
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(789.597.093.050)	(507.967.971.866)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(112.657.216.444)	(63.055.197.064)
04	Tiền lãi vay đã trả		(8.012.447.914)	(530.069.969)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.2	(29.763.868.532)	(1.870.569.425)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		98.420.585.565	39.192.110.921
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(190.715.223.689)	(80.298.106.580)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		133.051.738.689	108.585.285.069
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(101.353.899.676)	(32.702.404.864)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		205.990.909	140.000
23	Tiền chi cho vay		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay		1.413.953.964	236.749.895
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(175.794.735.198)	(372.639.229.593)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.589.462.292	4.881.379.139
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(270.939.227.709)	(400.223.365.423)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	329.231.825.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(20.000.000)	(102.270.000)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
33	Tiền thu từ đi vay		470.184.970.404	182.865.963.833
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(301.445.377.308)	(160.041.963.833)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.173.378.000)	(15.423.108.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		107.546.215.096	336.530.447.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(30.341.273.924)	44.892.366.646
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		99.023.212.818	54.122.278.528
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.442.010)	8.567.644
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	68.677.496.884	99.023.212.818

Người lập



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng



Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc



Trần Kim Liên



I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, Phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 829 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 375 nhân viên).

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung và Tây Nguyên	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 829 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 375 nhân viên).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An (*)	43%	70%	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

(*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty và các công ty con trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty và các công ty con cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 36.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty và các công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và các công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và

các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (“SSC”)

Trong năm, Công ty đã mua thêm 21,49% cổ phần trong SSC, và qua đó, làm tăng phần sở hữu của Công ty trong công ty này lên 61,49% vào ngày 15 tháng 4 năm 2015. Theo đó, SSC đã chính thức trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của SSC tại ngày mua được Công ty xác định dựa trên ước tính tạm thời như được trình bày dưới đây do Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc đánh giá và xác định giá trị hợp lý các khoản mục tài sản và nợ phải trả của SSC tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

GIÁ TRỊ HỢP LÝ TẠM TÍNH GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA	
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.639.166.184
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.489.287.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	138.892.878.470
Hàng tồn kho	312.237.883.564
Các tài sản ngắn hạn khác	4.349.586.269
Tài sản cố định hữu hình	62.915.636.011
Tài sản cố định vô hình	208.844.274.512
Tài sản dở dang dài hạn	12.144.885.972
Đầu tư tài chính dài hạn	3.580.857.907
Tài sản dài hạn khác	10.674.660.862
	774.769.116.751
Nợ phải trả	
Vay và nợ thuê tài chính	(79.546.848.600)
Phải trả người bán ngắn hạn	(111.382.647.319)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(34.287.435.991)
Phải trả khác	(38.053.684.663)
	(263.270.616.573)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	511.498.500.178
Cổ đông không kiểm soát	(196.967.034.403)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	229.397.204.225
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (*)	543.928.670.000
(*) Giá phí hợp nhất kinh doanh tại ngày mua bao gồm:	
Tiền chi để mua thêm 21,49% cổ phần trong SSC để nắm quyền kiểm soát	190.062.013.838
Giá trị hợp lý của số cổ phần của SSC đã nắm trước đây tại ngày mua	353.866.656.162
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	543.928.670.000

Sở hữu gián tiếp tại các công ty con của SSC

Tại ngày 15 tháng 4 năm 2015, SSC có hai công ty con là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An (“NAS”) và Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (“SSE”) với tỷ lệ biểu quyết của SSC tại các công ty này lần lượt là 70% và 83,74%. Cùng với việc SSC trở thành công ty con của Công ty từ ngày 15 tháng 4 năm 2015, các công ty này cũng trở thành các công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của SSE và NAS tại ngày mua được Công ty xác định trên ước tính tạm thời như được trình bày dưới đây do Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc đánh giá và xác định giá trị hợp lý các khoản mục tài sản và nợ phải trả của hai công ty con này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

ĐƠN VỊ TÍNH: VND

	GIÁ TRỊ HỢP LÝ TẠM TÍNH CỦA SSE GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA	GIÁ TRỊ HỢP LÝ TẠM TÍNH CỦA NAS GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA
Tài sản		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.490.046	44.782.410
Các khoản phải thu	90.521.981	18.331.406.721
Hàng tồn kho	950.519.330	7.716.562.201
Các tài sản ngắn hạn khác	27.523.843	26.596.752
Tài sản cố định	-	2.040.276.205
Tài sản dài hạn khác	136.550.916	535.185.576
	1.222.606.116	28.694.809.865
Nợ phải trả		
Vay và nợ	1.124.287.000	-
Phải trả người bán	751.444.656	21.787.781.913
Phải trả khác	1.136.800.887	1.791.610.613
	3.012.532.543	23.579.392.526
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	(1.789.926.427)	5.115.417.339
Cổ đông không kiểm soát	868.262.416	(2.913.588.254)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	2.981.433.895	380.750.915
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	2.059.769.884	2.582.580.000

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua các công ty con

Đơn vị tính: VND

Tiền chi để mua thêm 21,49% cổ phần trong SSC để nắm quyền kiểm soát	190.062.013.838
Tiền thu về từ các công ty con SSC, NAS, SSE	(19.701.438.640)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua trong năm	170.360.575.198

Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam, công ty con hiện hữu

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 29.240 cổ phần (tương đương 5,85% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam và theo đó, làm tăng tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty con này lên 90,02% kể từ ngày này.

Giá phí phải trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam là 398.600.000 VND. Phần chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần trong Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam là 130.560.075 VND và được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	5.500.036.955	7.859.039.154
Tiền gửi ngân hàng	55.977.459.929	70.564.173.664
Các khoản tương đương tiền (*)	7.200.000.000	20.600.000.000
TỔNG CỘNG	68.677.496.884	99.023.212.818

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 5,5%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số tiền đi vay thực thu trong năm - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	470.184.970.404	182.865.963.833
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	301.445.377.308	160.041.963.833

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM (TRÌNH BÀY LẠI)		
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Chứng khoán kinh doanh: - Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900	3.944.000.000	(1.557.339.300)	2.386.660.700
	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900	3.944.000.000	(1.557.339.300)	2.386.660.700
TỔNG CỘNG	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900	3.944.000.000	(1.557.339.300)	2.386.660.700

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	97.182.275.000	-
Phải thu từ khách hàng khác	183.235.026.904	113.501.026.773
TỔNG CỘNG	280.417.301.904	113.501.026.773
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.700.561.527)	(3.771.355.051)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	236.984.000	8.516.597.470
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Công nghiệp nhẹ Bùi Văn Ngọ	-	-
Công ty EuroAsiatic Machinery	-	3.193.462.853
Công ty TNHH Kirby Đông Nam Á	-	2.500.524.000
Công ty Everton Corporation	-	1.972.710.617
Trả trước nhà thầu xây dựng khác	236.984.000	849.900.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác	15.206.277.834	4.789.912.620
Trần Văn Thuận	1.879.051.634	-
Hợp tác xã Mỹ Đức	1.270.242.902	998.319.689
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	12.056.983.298	3.791.592.931
	15.443.261.834	13.306.510.090

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM (TRÌNH BÀY LẠI)
Tạm ứng cho nhân viên	17.434.202.869	18.427.505.240
Ký cược, ký quỹ	2.857.552.000	2.200.000
Tạm ứng cho nông dân	2.808.788.509	-
Chi phí kiểm định chất lượng phải thu Cục Trồng trọt	1.994.579.502	-
Phải thu khác	6.176.668.137	1.599.690.593
TỔNG CỘNG	31.271.791.017	20.029.395.833

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

ĐỐI TƯỢNG NỢ	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI
Công ty TNHH Hải Anh (*)	-	-	2.624.129.975	-

Đơn vị tính: VND

ĐỐI TƯỢNG NỢ	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI
Công ty Thương Mại Dịch vụ Đăk Nông	654.711.000	-	654.711.000	-
Khách hàng khác	4.045.850.527	-	492.514.076	-
	4.700.561.527	-	3.771.355.051	-

(*) Đây là khoản nợ đã quá hạn trên 3 năm và được Công ty trích lập dự phòng cho 100% giá trị phải thu trong các năm tài chính trước. Khoản nợ phải thu khó đòi này đã được Công ty xóa nợ trong năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 139/NQ-HĐQT-CTG ngày 17 tháng 12 năm 2015.

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
Thành phẩm	323.479.478.147	(4.505.144.828)	177.244.589.598	(3.671.367.977)
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	36.161.512.204	(2.951.796.840)	19.425.963.814	-
Hàng hóa	60.590.564.549	(7.254.664.065)	29.541.281.538	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.281.370.859	-	1.594.653.912	-
Công cụ, dụng cụ	1.778.766.386	-	542.847.442	-
Hàng mua đang đi trên đường	1.172.195	-	-	-
Hàng gửi đi bán	825.239	-	-	-
TỔNG CỘNG	436.293.689.579	(14.711.605.733)	228.349.336.304	(3.671.367.977)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	3.671.367.977	1.396.130.793
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.980.479.886	-
Dự phòng trích lập trong năm (*)	14.229.155.339	2.768.297.850
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.169.397.469)	(493.060.666)
Số cuối năm	14.711.605.733	3.671.367.977

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

(**) Toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty, được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo	623.704.875	-
Công cụ, dụng cụ	4.605.028.663	1.828.287.862
Khác	38.044.107	-
TỔNG CỘNG	5.266.777.645	1.828.287.862
Dài hạn		
Chi phí nghiên cứu giống	6.110.345.871	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.339.920.649	-
Tiền thuê đất	1.017.114.294	-
Công cụ, dụng cụ	479.073.416	-
Khác	2.393.209.694	107.276.119
TỔNG CỘNG	12.339.663.924	107.276.119

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ VẮN PHÒNG	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ VẮN PHÒNG
Nguyên giá:						
Số đầu năm	54.228.200.166	32.636.545.615	15.410.412.623	700.563.000	160.000.000	103.135.721.404
Tăng do hợp nhất kinh doanh	76.867.121.481	24.109.323.107	16.595.582.459	2.818.433.265	-	120.390.460.312
Mua trong năm	6.017.072.040	3.096.996.340	3.753.431.320	327.490.991	-	13.194.990.691
Đầu tư XDCB hoàn thành	78.451.577.834	54.003.296.016	-	-	-	132.454.873.850
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(273.760.000)	-	-	(273.760.000)
Phân loại lại	-	(161.678.800)	-	161.678.800	-	-
Số cuối năm	215.563.971.521	113.684.482.278	35.485.666.402	4.008.166.056	160.000.000	368.902.286.257
<i>Trong đó:</i> <i>Đã khấu hao hết</i>	<i>22.746.521.981</i>	<i>12.286.142.529</i>	<i>7.728.555.054</i>	<i>1.036.000.792</i>	<i>-</i>	<i>43.797.220.356</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	23.090.069.315	20.548.768.661	7.114.110.765	572.459.195	160.000.000	51.485.407.936
Tăng do hợp nhất kinh doanh	30.980.786.615	13.055.211.003	10.375.042.375	1.023.508.103	-	55.434.548.096
Khấu hao trong năm	8.363.341.504	6.534.663.773	2.865.481.385	395.822.706	-	18.159.309.368
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(124.180.572)	-	-	(124.180.572)
Số cuối năm	62.434.197.434	40.138.643.437	20.230.453.953	1.991.790.004	160.000.000	124.955.084.828
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	31.138.130.851	12.087.776.954	8.296.301.858	128.103.805	-	51.650.313.468
Số cuối năm	153.129.774.087	73.545.838.841	15.255.212.449	2.016.376.052	-	243.947.201.429

(*) Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Quyết định số 21.2.

(**) Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 2.072.067.196 đồng Việt Nam. Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư hình thành tài sản thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÂU DÀI	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN	PHẦN MỀM VI TÍNH	BẢN QUYỀN	TỔNG TIỀN
Nguyên giá:					
Số đầu năm	2.275.787.000	120.000.000	71.000.000	8.511.600.000	10.978.387.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	153.738.833.089	58.382.682.274	605.463.824	-	212.726.979.187
Mua mới trong năm	-	-	830.175.000	3.250.000.000	4.080.175.000
Giảm khác	-	-	(71.000.000)	-	(71.000.000)
Số cuối năm	156.014.620.089	58.502.682.274	1.435.638.824	11.761.600.000	227.714.541.187
<i>Trong đó: Đã hao mòn hết</i>	-	566.302.520	213.863.824	1.500.000.000	2.280.166.344
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	120.000.000	71.000.000	4.763.616.665	4.954.616.665
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	5.010.572.752	234.263.822	-	5.244.836.574
Hao mòn trong năm	-	299.900.296	145.157.790	1.618.441.672	2.063.499.758
Giảm khác	-	-	(71.000.000)	-	(71.000.000)
Số cuối năm	-	5.430.473.048	379.421.612	6.382.058.337	12.191.952.997
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.275.787.000	-	-	3.747.983.335	6.023.770.335
Số cuối năm	156.014.620.089	53.072.209.226	1.056.217.212	5.379.541.663	215.522.588.190

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dự án Củ Chi	11.103.862.672	-
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Phương Mai - Nhà văn phòng	-	15.845.157.741
Dự án Đồng Văn	-	4.960.581.000
Dự án Kho dự trữ quốc gia	-	3.466.687.000
Dự án Sơn La	800.000.000	-
Công trình khác	241.023.300	434.291.000
TỔNG CỘNG	14.258.332.636	26.820.163.405

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ ĐẦU NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ GỐC (VND)	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ (VND)	GIÁ GỐC (VND)	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ (VND)
ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT						
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	-	371.414.557.822	-	323.834.760.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (*)	13.333.640.000	-	-	8.298.080.000	-	-
TỔNG CỘNG	13.333.640.000	-	-	379.712.637.822	-	323.834.760.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 13% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình. Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	TỶ LỆ SỞ HỮU	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	40,00%	40,00%

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam

Số đầu năm	371.414.557.822
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	4.049.884.036
Giảm do chuyển thành công ty con	(375.464.441.858)
Số cuối năm	-

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	LỢI THẾ THƯƠNG MẠI TỪ HỢP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY	LỢI THẾ THƯƠNG MẠI TỪ HỢP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG NÔNG LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM	LỢI THẾ THƯƠNG MẠI TỪ HỢP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY NÀY	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:				
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	-	28.468.093.326
- Phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	-	-	232.759.389.035	232.759.389.035
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035	261.227.482.361
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	10.622.834.913	140.693.754	-	10.763.528.667
- Phân bổ trong năm	2.655.708.728	191.100.604	17.456.954.178	20.303.763.510
Số cuối năm	13.278.543.641	331.794.358	17.456.954.178	31.067.292.177
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	15.934.252.368	1.770.312.291	-	17.704.564.659
Số cuối năm	13.278.543.640	1.579.211.687	215.302.434.857	230.160.190.184

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Phải trả nhà thầu xây dựng	12.533.337.529	12.533.337.529	1.982.369.741	1.982.369.741
Phải trả cho người bán	97.854.092.526	97.854.092.526	88.516.840.243	88.516.840.243
Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	41.701.362.241	41.701.362.241	47.018.337.704	47.018.337.704

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Công ty Giống cây trồng Thịnh Du - Trung Quốc	10.652.610.112	10.652.610.112	14.153.658.760	14.153.658.760
Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 19	9.543.663.000	10.000.973.000	-	-
Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech	8.864.583.300	8.864.583.300	-	-
Công ty TNHH Sichuan Nongda High-tech	4.676.225.297	4.676.225.297	-	-
Phải trả đối tượng khác	22.415.648.576	21.958.338.576	27.344.843.779	27.344.843.779
TỔNG CỘNG	110.387.430.055	110.387.430.055	90.499.209.984	90.499.209.984

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Người mua trả tiền trước	33.006.609.796	17.569.562.855
TỔNG CỘNG	33.006.609.796	17.569.562.855

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí vận chuyển	1.180.569.352	-
Chiết khấu thanh toán	692.136.586	-
Chi phí lãi vay phải trả	467.416.705	-
Chi phí phải trả khác	3.517.533.829	649.463.428
TỔNG CỘNG	5.857.656.472	649.463.428

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Cổ tức phải trả	1.610.575.710	937.629.310
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	2.847.000.000	5.063.862.886
Tạm ứng từ Quỹ VBCF	1.416.604.000	-
Kinh phí hỗ trợ mua giống gốc để sản xuất lúa lai	984.550.275	984.550.275
Chi phí phải trả Cục dự trữ Quốc gia	-	434.672.830
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	2.748.814.790	559.835.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	264.542.874	57.857.412
Kinh phí công đoàn	257.250.068	14.720.200
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	992.877.512	1.743.116.389
Thù lao Hội đồng Quản trị	470.421.656	
Phải trả về cổ phần hóa	-	728.073.914
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.360.395.989	5.468.575.125
TỔNG CỘNG	19.953.032.874	15.992.893.341

21. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính VND

	SỐ CUỐI NĂM		TRONG NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	GIẢM	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay ngắn hạn	217.236.158.460	217.236.158.460	493.257.535.768	(301.445.377.308)	25.424.000.000	25.424.000.000
Vay ngân hàng ngắn hạn	215.745.103.710	215.745.103.710	491.766.481.018	(301.445.377.308)	25.424.000.000	25.424.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750	1.491.054.750	1.491.054.750	-	-	-
Vay dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	59.379.291.950	(1.491.054.750)	-	-
Vay ngân hàng dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	59.379.291.950	(1.491.054.750)	-	-
TỔNG CỘNG	275.124.395.660	275.124.395.660	552.636.827.718	(302.936.432.058)	25.424.000.000	25.424.000.000

21.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

TÊN NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	52.447.047.600	- Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. - Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016.	Không
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	51.887.110.000	- Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng. - Hợp đồng vay có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2015.	Không
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hà Nội	11.062.686.110	Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào cuối kì hạn vay. Hợp đồng vay có hiệu lực 12 tháng kể từ tháng 4 năm 2015.	Không
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	27.916.050.000	Thời hạn trả 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.	Toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	40.752.210.000	Thời hạn trả 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Không
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi	19.512.000.000	Hạn trả vào ngày 18 tháng 5 năm 2016. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Không
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered	12.168.000.000	Hạn trả vào ngày 23 tháng 1 năm 2016. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.	Không
TỔNG CỘNG	215.745.103.710		

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

TÊN NGÂN HÀNG	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (VND)	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	52.469.072.950	Hạn mức tín dụng là 77 tỷ đồng. Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Toàn bộ tài sản được hình thành của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan - Chi nhánh Hà Nội	6.910.219.000	Hạn mức tín dụng là 72 tỷ đồng. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 1 năm 2018. Gốc thanh toán 3 tháng/lần sau thời gian ân hạn 1 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 22 tháng 1 năm 2015. Lãi thanh toán theo kỳ hạn ba tháng trong năm thứ nhất kể từ ngày giải ngân đầu tiên, và được thanh toán hàng tháng kể từ năm thứ hai.	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
TỔNG CỘNG	59.379.291.950		
Trong đó:			
- Vay dài hạn	57.888.237.200		
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750		

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	17.624.328.537	14.539.725.583
Tặng quỹ khen thưởng phúc lợi do hợp nhất	4.729.207.572	-
Cộng: Trích lập trong năm	15.521.174.999	9.610.353.307
Trừ: Sử dụng trong năm	(9.375.964.581)	(6.525.750.353)
Số cuối năm	28.498.746.527	17.624.328.537

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	TỔNG CỘNG
Năm nay						
Số đầu năm (Trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	-	140.933.342.530	119.816.800.045	744.945.670.425
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	141.629.960.690	141.629.960.690
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	61.493.507.231	(61.493.507.231)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(14.572.295.863)	(14.572.295.863)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(45.885.000.000)	(45.885.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(15.288.378.000)	(15.288.378.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(680.812.500)	(680.812.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(4.712.507.112)	-	(4.712.507.112)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	130.560.075	130.560.075
Giảm khác	-	-	-	-	(291.595.092)	(291.595.092)
Số cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.714.342.649	123.365.732.124	805.255.602.623

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 được thực hiện theo Nghị quyết số 118/NQ-ĐHCĐ2014 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015.

(**) Công ty đã tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 theo Quyết định số 136/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 16 tháng 11 năm 2015.

(***) Theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI
Vốn góp	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (công ty mẹ)	88.494.930.000	88.494.930.000	-	86.664.950.000	86.664.950.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	64.455.070.000	64.455.070.000	-	66.285.050.000	66.285.050.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	484.195.527.850	484.195.527.850	-	484.195.527.850	484.195.527.850	-

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	NĂM NAY	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	152.950.000.000	100.298.380.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	152.950.000.000	100.298.380.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	61.173.378.000	15.029.416.500
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 đồng/cổ phiếu	15.288.378.000	-
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 đồng/cổ phiếu	45.885.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013: 1.500 đồng/cổ phiếu	-	15.029.416.500
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	61.173.378.000	15.029.416.500
Cổ tức cho năm 2015	15.288.378.000	-
Cổ tức cho năm 2014	45.885.000.000	15.029.416.500
Cổ tức cho năm 2013	-	15.029.416.500

23.4 Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ
Cổ phiếu đăng ký phát hành	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	6.622	20.000.000	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.288.378	152.930.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	1.431.386.527
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	75.523.190.000	79.216.000.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)		47.556 21.901
- Euro (EUR)	1	-
- Nhân dân tệ (CNY)		100.997 89.068
- Kíp Lào (LAK)		1.000.000 1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	3.242.682.019	-

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn mà Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2015 số 02 HĐMB/DTQG ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2015 ngày 31 tháng 12 năm 2015.

25 LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	5.725.594.310	4.207.461.852
Tăng do chuyển từ công ty liên kết thành công ty con	199.012.360.241	767.071.657
Giảm do chi phí khấu hao do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản	(565.965.275)	
Giảm phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong NSC năm giữ tại công ty con gián tiếp	(2.907.414.117)	-
Lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	15.478.488.953	1.270.361.059
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(948.879.136)	(58.932.258)
Cổ tức công bố	(17.766.063.000)	(393.840.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	(103.746.045)	(66.528.000)
Giảm do công ty mẹ mua thêm cổ phần tại công ty con hiện hữu	(529.160.075)	-
Số cuối năm	197.395.215.856	5.725.594.310

26. DOANH THU**26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Tổng doanh thu	1.363.108.587.364	760.158.909.521
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.360.007.468.501</i>	<i>758.419.965.973</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.101.118.863</i>	<i>1.738.943.548</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(114.485.723.976)	(47.250.379.854)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(25.032.331.453)</i>	<i>(6.216.561.583)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(88.510.481.423)</i>	<i>(40.450.045.601)</i>

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Giảm giá hàng bán	(942.911.100)	(583.772.670)
DOANH THU THUẦN	1.248.622.863.388	712.908.529.667

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi	1.709.128.556	4.049.111.317
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.012.127.670	341.870.187
Doanh thu từ cổ tức	2.947.527.600	834.592.800
Doanh thu tài chính khác	819.968	20.338.265
TỔNG CỘNG	5.669.603.794	5.245.912.569

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (Trình bày lại)
Giá vốn của thành phẩm đã bán	786.451.422.685	463.477.930.302
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	7.059.757.870	2.768.297.850
TỔNG CỘNG	793.511.180.555	466.246.228.152

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lỗ do đánh giá lại cổ phần của SSC được Công ty nắm giữ trước ngày nắm quyền kiểm soát	15.884.948.396	-
Chi phí lãi vay	8.549.203.181	638.436.191
Chiết khấu thanh toán	4.496.406.610	1.533.848.480
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.425.055.093	927.342.326
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(53.333.200)	546.665.300
Chi phí tài chính khác	-	88.495
TỔNG CỘNG	30.302.280.080	3.646.380.792

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
(Trình bày lại)		
Chi phí bán hàng	123.865.568.497	61.246.676.378
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	35.292.048.457	18.304.436.387
- Chi phí vận chuyển	29.463.457.325	13.148.417.095
- Chi phí khấu hao	8.783.449.558	8.346.536.282
- Chi phí bán hàng khác	50.326.613.157	21.447.286.614
Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.100.088.577	67.871.388.281
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	72.211.508.992	43.180.424.711
- Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	20.303.763.510	2.796.402.482
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	49.584.816.075	21.894.561.088
TỔNG CỘNG	265.965.657.074	129.118.064.659

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	12.904.738.400	1.659.912.274
Nhận hỗ trợ từ quỹ VCBF	4.719.171.000	-
Thu nhập từ tiền bồi thường	4.489.361.886	28.009.091
Hoàn nhập lãi phải trả nhà nước	1.266.901.020	-
Thu nhập từ cho thuê kho	615.690.000	254.192.990
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	205.990.909	72.818.182
Thu nhập khác	1.607.623.585	1.304.892.011
Chi phí khác	3.062.065.758	692.500.357
Lãi phạt chậm nộp thuế	1.872.125.460	-
Chi phí khác	1.189.940.298	692.500.357
GIÁ TRỊ THUẦN	9.842.672.642	967.411.917

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Chi phí nguyên vật liệu	996.208.808.576	470.334.567.860
Chi phí nhân công	136.059.269.122	63.652.538.288
Chi phí khấu hao và khấu trừ	40.526.572.636	10.369.254.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.786.599.018	48.459.029.823
Chi phí khác	7.866.476.784	10.022.069.945
TỔNG CỘNG	1.249.447.726.136	602.837.460.773

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 22%.

Thuế suất TNDN của các công ty con là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.100.030.770	2.176.296.985
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(680.768.020)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.121.806.242)	-
TỔNG CỘNG	21.297.456.508	2.176.296.985

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	178.405.906.151	126.204.726.486
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Phân bổ lợi thế thương mại	20.303.763.510	2.796.402.482
Chi phí phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản mục đầu tư vào công ty liên kết	15.884.948.396	-
Hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	395.669.310	
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	7.818.597.876	-
Thay đổi chi phí phải trả	5.814.599.829	-
Các khoản chi phí không hợp lệ	2.907.104.846	1.545.567.151
Chi phí khấu hao của giá trị tăng lên khi đánh giá lại tài sản	903.775.031	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	189.824.871	141.778.926
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.442.010	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức nhận được	(2.947.527.600)	(834.592.800)
Lãi từ công ty liên kết	(4.049.884.036)	(6.093.545.936)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	225.631.220.194	123.760.336.309
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(216.677.426)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	225.631.220.194	123.543.658.883
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế ước tính từ hoạt động khoa học và công nghệ được thuế suất ưu đãi (10%)</i>	<i>150.228.456.894</i>	<i>113.651.399.860</i>
<i>Thu nhập tính thuế ước tính từ hoạt động khác (22%)</i>	<i>75.402.763.300</i>	<i>9.892.259.023</i>

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	31.611.453.615	13.541.436.971
Thuế TNDN được miễn giảm	(7.511.422.845)	(11.365.139.986)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính sau miễn giảm và điều chỉnh	24.100.030.770	2.176.296.985
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(680.768.020)	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	997.365.117	691.637.557
Điều chỉnh tăng thuế do hợp nhất kinh doanh	9.786.613.796	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(29.763.868.532)	(1.870.569.425)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	4.439.373.131	997.365.117

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	3.365.405.629	-	1.785.853.200	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	215.475.387	-	80.491.989	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	95.368.620	-	74.706.047	-
	3.676.249.636	-	1.941.051.236	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	34.106.680.985	-	180.755.006	-
	34.106.680.985	-	180.755.006	-
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			2.121.806.242	

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lương và thưởng	3.969.700.000	3.065.957.771

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	141.629.960.690	122.758.068.442
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(14.572.295.863)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	141.629.960.690	108.185.772.579
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.293.803	13.044.684
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.293.803	13.044.684
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản</i>	<i>9.261</i>	<i>8.293</i>
<i>Lãi suy giảm</i>	<i>9.261</i>	<i>8.293</i>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng,

phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2015. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

Khoản mục	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.944.000.000	(3.944.000.000)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	3.944.000.000	3.944.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.601.890.593	18.427.505.240	20.029.395.833
Tài sản ngắn hạn khác	18.427.505.240	(18.427.505.240)	-
Đầu tư dài hạn khác	8.298.080.000	(8.298.080.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.298.080.000	8.298.080.000
Quỹ dự phòng tài chính	17.823.890.859	(17.823.890.859)	-
Quỹ đầu tư phát triển	123.109.451.671	17.823.890.859	140.933.342.530

Khoản mục	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	762.033.468.300	(1.874.558.779)	760.158.909.521
Các khoản giảm trừ doanh thu	42.897.537.503	4.352.842.351	47.250.379.854

Khoản mục	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	431.813.194.493	34.433.033.659	466.246.228.152
Chi phí bán hàng	101.907.111.167	(40.660.434.789)	61.246.676.378
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.298.080.000	8.298.080.000
Quỹ dự phòng tài chính	17.823.890.859	(17.823.890.859)	-
Quỹ đầu tư phát triển	123.109.451.671	17.823.890.859	140.933.342.530

Ngoài ra, chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 34.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng



Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc



Trần Kim Liên

